



Số: 01/2018/NQ-SCIEC-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 27 tháng 4 năm 2018

NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018**Căn cứ:**

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 8 được thông qua ngày 26/11/2014;
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông ngày 28/4/2018;
- Nhiệm vụ, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần SCI E&C năm 2018 và những năm tiếp theo;
- Biên bản kiểm phiếu và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 27/04/2018.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 nhất trí biểu quyết thông qua các nội dung sau:

Nội dung 1: Thông qua báo cáo kết quả SXKD năm 2017 và kế hoạch SXKD năm 2018 (tỷ lệ biểu quyết tán thành 99,66%).

1. Kết quả sản xuất kinh doanh, thực hiện chỉ tiêu tài chính năm 2017:

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	% thực hiện
1	Giá trị SXKD	Tỷ đồng	930	1.039	112%
2	Giá trị đầu tư	Tỷ đồng	100	49,3	49,3%
3	Doanh số bán hàng	Tỷ đồng	920	949,9	103,3%
4	Doanh thu	Tỷ đồng	847,9	876,8	103,4%
5	Tiền về	Tỷ đồng	950	827,1	87%
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	18	19,2	106,6%
7	Nộp ngân sách NN	Tỷ đồng	12	24	200%
8	Thu nhập BQ tháng	Triệu đồng	8,5	10,2	118,2%
9	Nhân lực	Người		567	
10	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	100	100	
11	Trả cổ tức	%	10%	10% (Bằng CP)	



2. Kế hoạch SXKD năm 2018.

TT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện Năm 2017	Kế hoạch Năm 2018	% (+/-)
1	Giá trị SXKD	Tỷ đồng	1.039	1.150	111%
2	Giá trị đầu tư	Tỷ đồng	49,3	103,9	211%
3	Doanh số	Tỷ đồng	950	1.258	132%
4	Tiền về	Tỷ đồng	827	1.100	133%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	19,2	25	
6	Nộp ngân sách NN	Tỷ đồng	24	42	
7	Thu nhập BQ tháng	Triệu đồng	10,2	11,2	
8	Nhân lực	Người	569	625	
9	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	100	110	
10	Trả cổ tức		10%	8%	

Nội dung 2: Thông qua báo cáo hoạt động năm 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2018 của HĐQT (tỷ lệ biểu quyết tán thành 99,51%);

Nội dung 3: Thông qua báo cáo hoạt động năm 2017 của Ban Kiểm soát (tỷ lệ biểu quyết tán thành 99,91%);

Nội dung 4: Thông qua báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán (tỷ lệ biểu quyết tán thành 99,93%);

Nội dung 5: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2017 (tỷ lệ biểu quyết tán thành 88,90%):

TT	Nội dung	Tỷ lệ	Giá trị
1	Lợi nhuận trước thuế		19.215.129.161
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp		3.877.985.057
3	Lợi nhuận sau thuế (3)=(1)-(2)		15.337.144.104
4	Các khoản giảm trừ vào lợi nhuận sau thuế		-
5	Thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách		300.000.000
6	Lợi nhuận phân phối (6)=(3)-(4)-(5)		15.037.144.104
7	Trích lập các quỹ doanh nghiệp		
-	Quỹ đầu tư phát triển	15%	2.255.571.616
-	Quỹ phúc lợi	2%	300.742.882
-	Quỹ khen thưởng	2%	300.742.882
8	Lợi nhuận năm 2017 sau khi trích lập các quỹ: (8)=(6)-(7)		12.180.086.724
9	Lợi nhuận còn lại chưa chia của các năm trước		14.380.586.772

TT	Nội dung	Tỷ lệ	Giá trị
10	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (1000 VND/cổ phiếu)	10%	10.000.000.000
11	Tổng lợi nhuận còn lại chuyển năm sau: (11)=(8)+(9)-(10)		16.560.673.496

Nội dung 6: Thông qua thù lao HĐQT, BKS năm 2017 và dự toán thù lao HĐQT, BKS năm 2018 (tỷ lệ biểu quyết tán thành 94,07%):

1. Thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2017

TT	Chức danh	Người x tháng	Mức thù lao tháng	Số tiền
A	Hội đồng quản trị			708.000.000
1	Chủ tịch HĐQT - chuyên trách	1x12	35.000.000	420.000.000
2	UV HĐQT	4x12	6.000.000	288.000.000
B	Ban kiểm soát			156.000.000
1	Trưởng BKS	1x12	5.000.000	60.000.000
2	Ủy viên BKS	2x12	4.000.000	96.000.000
	Tổng cộng			864.000.000

2. Dự toán chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2018

TT	Chức danh	Người x tháng	Mức thù lao tháng	Số tiền
A	Hội đồng quản trị			1.032.000.000
1	Chủ tịch HĐQT	1x12	35.000.000	420.000.000
2	Phó Chủ tịch HĐQT/Ủy viên HĐQT chuyên trách	1x12	33.000.000	396.000.000
3	Ủy viên HĐQT	3x12	6.000.000	216.000.000
B	Ban kiểm soát			52.000.000
1	Trưởng BKS	1x4	5.000.000	20.000.000
2	Ủy viên BKS	2x4	4.000.000	32.000.000
	Tổng cộng			1.084.000.000

Nội dung 7: Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ (tỷ lệ biểu quyết tán thành 96,78%);

Nội dung 8: Thông qua Quy chế nội bộ quản trị Công ty (tỷ lệ biểu quyết tán thành 97,00%);

Nội dung 9: Ủy quyền cho HĐQT quyết định thực hiện một số nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (tỷ lệ biểu quyết tán thành 96,99%).

1. Phê duyệt các dự án đầu tư, các dự án mua sắm tài sản năm 2018;
2. Quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán cho báo cáo tài chính bán niên và cả năm 2018;

3. Phê duyệt nội dung các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ;
4. Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch SXKD của Công ty (nếu có);
5. Lựa chọn thời điểm, phê duyệt phương án, hồ sơ thành lập Chi nhánh/Văn phòng đại diện thuộc Công ty ở trong hoặc ngoài nước;

Nội dung 10: Thông qua thay đổi mô hình tổ chức công ty theo điểm b khoản 1 Điều 134 luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 (tỷ lệ biểu quyết tán thành 96,96%);

Điều 2: Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị Công ty chỉ đạo thực hiện các nội dung được thông qua tại Điều 1 theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty.

Điều 3: Quyết nghị này có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2018, các cổ đông của Công ty, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc Công ty theo nghĩa vụ và quyền hạn căn cứ Quyết nghị thực hiện.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



Nguyễn Công Hùng

Số: 01 /2018/BB-SCIEC-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 27 tháng 04 năm 2018

BIÊN BẢN HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018

Vào hồi 14h00' ngày 27/04/2018, tại Tầng 4, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội đã diễn ra Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 Công ty cổ phần SCI E&C (sau đây gọi tắt là Đại hội).

I. CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C (Sau đây gọi tắt là Công ty):

- **Trụ sở chính:** Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
- **Mã số doanh nghiệp:** 0500574676 cấp thay đổi lần 7 ngày 29/5/2017.
- **Nơi đăng ký kinh doanh:** Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.

II. THÀNH PHẦN THAM DỰ:

Cổ đông của Công ty cổ phần SCI E&C được Trung tâm LKCK chốt tại thời điểm ngày 10/4/2018.

III. NỘI DUNG VÀ DIỄN BIẾN CỦA ĐẠI HỘI:

1. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông và tuyên bố Đại hội đủ điều kiện tiến hành:

Đại hội đã nghe ông Phan Dương Mạnh - Trưởng Ban Kiểm tra tư cách cổ đông công bố Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông và tuyên bố Đại hội đủ điều kiện tiến hành:

- Tổng số cổ đông chốt đến thời điểm 10/4/2018 của Công ty là 332 cổ đông nắm giữ tổng số cổ phần đang lưu hành là 10.000.000 cổ phần.
- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: 10.000.000 cổ phần.
- Tổng số cổ đông được mời tham dự Đại hội: 332 cổ đông, đại diện cho 100% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Tại thời điểm 14h00', Tổng số có 119 cổ đông là chủ sở hữu hoặc được ủy quyền tham dự có mặt đại diện cho 124 cổ đông tương ứng với 8.106.715 cổ phần có quyền biểu quyết chiếm 81,07 % số cổ phần có quyền biểu quyết.

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Điều lệ của Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần SCI E&C là hợp pháp, hợp lệ và đủ điều kiện để tiến hành.

2. Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội:

100% cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội đã biểu quyết thông qua Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Bầu Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký và Ban bầu cử kiểm phiếu:

Đại hội đã tiến hành bầu Đoàn Chủ tịch để điều hành Đại hội, bầu Ban Thư ký và Ban Bầu cử kiểm phiếu để giúp việc cho Đoàn Chủ tịch. Sau khi nghe danh sách nhân sự dự kiến,



100% cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội đã biểu quyết thông qua Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký và Ban Bầu cử kiêm Kiểm phiếu, cụ thể:

❖ **Đoàn Chủ tịch:**

- | | | |
|------------------------|--------------------|-------------|
| - Ông Nguyễn Công Hùng | - Chủ tịch HĐQT | Chủ tọa. |
| - Ông Nguyễn Chính Đại | - UVHĐQT, Giám đốc | Thành viên. |
| - Ông Phan Thanh Hải | - Phó GD Công ty | Thành viên. |

❖ **Thư ký:**

- Ông Nguyễn Văn Thanh

❖ **Ban bầu cử kiêm kiểm phiếu:**

- | | |
|-------------------------|-------------|
| - Ông Phan Dương Mạnh | Trưởng ban. |
| - Bà Lưu Thị Hằng | Thành viên. |
| - Ông Dương Thành Trung | Thành viên. |
| - Ông Nguyễn Anh Cường | Thành viên. |
| - Ông Hà Đức Thành | Thành viên |

4. Thông qua Chương trình của Đại hội:

Sau khi nghe Đoàn Chủ tịch công bố Chương trình của Đại hội, 100% cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội đã biểu quyết thông qua Chương trình.

IV. NỘI DUNG CHÍNH CỦA ĐẠI HỘI:

1. Báo cáo của Ban điều hành, Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:

- Báo cáo kết quả SXKD năm 2017 và kế hoạch SXKD năm 2018 do ông Nguyễn Chính Đại - UVHĐQT, Giám đốc Công ty trình bày;
- Báo cáo hoạt động năm 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2018 của HĐQT do ông Nguyễn Công Hùng – Chủ tịch HĐQT trình bày;
- Báo cáo hoạt động năm 2017 của BKS do bà Trần Thị Len - Trưởng Ban Kiểm soát trình bày.

2. Các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đã nghe Ông Phan Thanh Hải – Phó Giám đốc, trình Đại hội các nội dung:

- Thông qua kết quả SXKD năm 2017, kế hoạch nhiệm vụ năm 2018;
- Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2017;
- Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2017;
- Thông qua thù lao HĐQT, BKS năm 2017 và dự toán thù lao HĐQT, BKS năm 2018.
- Thông qua thay đổi mô hình cơ cấu tổ chức Công ty
- Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ
- Thông qua nội dung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
- Thông qua việc Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT phê duyệt một số nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại Hội đồng cổ đông.

3. Thảo luận và thông qua các nội dung Báo cáo, Tờ trình tại Đại hội:

Sau khi nghe các báo cáo và tờ trình, Đại hội đã tiến hành thảo luận trực tiếp về các vấn đề cổ đông quan tâm.

Sau khi nghe ý kiến của các cổ đông, ông Nguyễn Công Hùng đã giải đáp rõ ràng từng vấn đề và được các cổ đông chấp thuận. Các cổ đông tham dự Đại hội đã thống nhất các nội dung trình bày trong các báo cáo và tờ trình, không có ý kiến gì khác.

4. Biểu quyết thông qua các nội dung Báo cáo, Tờ trình Đại hội:

Trên cơ sở các Báo cáo, Tờ trình và ý kiến thảo luận, Đại hội đã tiến hành biểu quyết (bằng Phiếu biểu quyết) thông qua các nội dung sau đây:

4.1 Nội dung 1: Thông qua báo cáo kết quả SXKD năm 2017 và kế hoạch SXKD năm 2018 với một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

❖ Kết quả sản xuất kinh doanh, thực hiện chỉ tiêu tài chính năm 2017

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	% thực hiện
1	Giá trị SXKD	Tỷ đồng	930	1.039	112%
2	Giá trị đầu tư	Tỷ đồng	100	49,3	49,3%
3	Doanh số bán hàng	Tỷ đồng	920	949,9	103,3%
4	Doanh thu	Tỷ đồng	847,9	876,8	103,4%
5	Tiền về	Tỷ đồng	950	827,1	87%
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	18	19,2	106,6%
7	Nộp ngân sách NN	Tỷ đồng	12	24	200%
8	Thu nhập BQ tháng	Triệu đồng	8,5	10,2	118,2%
9	Nhân lực	Người		567	
10	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	100	100	
11	Trả cổ tức	%	10%	10% (Bằng CP)	

❖ Kế hoạch SXKD năm 2018

TT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	% (+/-)
1	Giá trị SXKD	Tỷ đồng	1.039	1.150	111%
2	Giá trị đầu tư	Tỷ đồng	49,3	103,9	211%
3	Doanh số	Tỷ đồng	950	1.258	132%
4	Tiền về	Tỷ đồng	827	1.100	133%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	19,2	25	
6	Nộp ngân sách NN	Tỷ đồng	24	42	
7	Thu nhập BQ tháng	Triệu đồng	10,2	11,2	
8	Nhân lực	Người	569	625	
9	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	100	110	
10	Trả cổ tức		10%	8%	

+ Số phiếu tán thành: 111 phiếu, tương ứng 8.072.370 cổ phần, chiếm 99,66% cổ phần tham dự Đại hội.

+ Số phiếu không tán thành: 03 phiếu, tương ứng 18.045 cổ phần, chiếm 0,22% cổ phần tham dự Đại hội.

- + Số phiếu không có ý kiến: 01 phiếu, tương ứng 8.800 cổ phần, chiếm 0,11% cổ phần tham dự Đại hội.

4.2 Nội dung 2: Thông qua báo cáo hoạt động năm 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2018 của HĐQT.

- + Số phiếu tán thành: 111 phiếu, tương ứng 8.060.415 cổ phần, chiếm 99,51% cổ phần tham dự Đại hội.
- + Số phiếu không tán thành: 02 phiếu, tương ứng 16.500 cổ phần, chiếm 0,20% cổ phần tham dự Đại hội.
- + Số phiếu không có ý kiến: 02 phiếu, tương ứng 22.300 cổ phần, chiếm 0,28% cổ phần tham dự Đại hội.

4.3 Nội dung 3: Thông qua báo cáo hoạt động năm 2017 của Ban Kiểm soát.

- + Số phiếu tán thành: 112 phiếu, tương ứng 8.093.015 cổ phần, chiếm 99,91% cổ phần tham dự Đại hội.
- + Số phiếu không tán thành: 02 phiếu, tương ứng 6.000 cổ phần, chiếm 0,07% cổ phần tham dự Đại hội.
- + Số phiếu không có ý kiến: 01 phiếu, tương ứng 200 cổ phần, chiếm 0,00% cổ phần tham dự Đại hội.

4.4 Nội dung 4: Thông qua báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán với một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

- Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017 lập ngày 06/02/2018;
- Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2017 lập ngày 06/02/2018;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2017 lập ngày 06/02/2018;
- Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2017 lập ngày 06/02/2018.

(Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán được đính kèm tài liệu đại hội)

- + Số phiếu tán thành: 113 phiếu, tương ứng 8.094.595 cổ phần, chiếm 99,93% cổ phần tham dự Đại hội.
- + Số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương ứng 0 cổ phần, chiếm 0% cổ phần tham dự Đại hội.
- + Số phiếu không có ý kiến: 02 phiếu, tương ứng 4.620 cổ phần, chiếm 0,06% cổ phần tham dự Đại hội.

4.5 Nội dung 5: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2017

TT	Nội dung	Tỷ lệ	Giá trị
1	Lợi nhuận trước thuế		19.215.129.161
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp		3.877.985.057
3	Lợi nhuận sau thuế (3)=(1)-(2)		15.337.144.104
4	Các khoản giảm trừ vào LN sau thuế		-
5	Thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách		300.000.000
6	Lợi nhuận phân phối (6)=(3)-(4)-(5)		15.037.144.104
7	Trích lập các quỹ doanh nghiệp		
-	Quỹ đầu tư phát triển	15%	2.255.571.616

TT	Nội dung	Tỷ lệ	Giá trị
	- Quỹ phúc lợi	2%	300.742.882
	- Quỹ khen thưởng	2%	300.742.882
8	Lợi nhuận năm 2017 sau khi trích lập các quỹ: (8)=(6)-(7)		12.180.086.724
9	Lợi nhuận còn lại chưa chia của các năm trước		14.380.586.772
10	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (1.000 VND/cổ phiếu)	10%	10.000.000.000
11	Tổng lợi nhuận còn lại chuyển năm sau: (11)=(8)+(9)-(10)		16.560.673.496

- + Số phiếu tán thành: 110 phiếu, tương ứng 7.201.020 cổ phần, chiếm 88,90% cổ phần tham dự Đại hội.
- + Số phiếu không tán thành: 01 phiếu, tương ứng 16.800 cổ phần, chiếm 0,21% cổ phần tham dự Đại hội.
- + Số phiếu không có ý kiến: 04 phiếu, tương ứng 881.395 cổ phần, chiếm 10,88% cổ phần tham dự Đại hội.

4.6 Nội dung 6: Thông qua quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2017 và dự toán thù lao HĐQT, BKS năm 2018 cụ thể như sau:

❖ **Thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2017**

TT	Chức danh	Người x tháng	Mức thù lao tháng	Số tiền
A	Hội đồng quản trị			708.000.000
1	Chủ tịch HĐQT- chuyên trách	1x12	35.000.000	420.000.000
2	UV HĐQT	4x12	6.000.000	288.000.000
B	Ban kiểm soát			156.000.000
1	Trưởng BKS	1x12	5.000.000	60.000.000
2	UV BKS	2x12	4.000.000	96.000.000
	Tổng cộng			864.000.000

❖ **Dự toán chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2018**

TT	Chức danh	Người x tháng	Mức thù lao tháng	Số tiền
A	Hội đồng quản trị			1.032.000.000
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	1x12	35.000.000	420.000.000
2	Phó CT HĐQT, UV HĐQT chuyên trách	1x12	33.000.000	396.000.000
3	UV HĐQT	3x12	6.000.000	216.000.000
B	Ban kiểm soát			52.000.000
1	Trưởng BKS	1x4	5.000.000	20.000.000



TT	Chức danh	Người x tháng	Mức thù lao tháng	Số tiền
2	UV BKS	2x4	4.000.000	32.000.000
	Tổng cộng			1.084.000.000

- + Số phiếu tán thành: 113 phiếu, tương ứng 7.620.170 cổ phần, chiếm 94,07% cổ phần tham dự Đại hội.
- + Số phiếu không tán thành: 02 phiếu, tương ứng 479.045 cổ phần, chiếm 5,91% cổ phần tham dự Đại hội.
- + Số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, tương ứng 0 cổ phần, chiếm 0% cổ phần tham dự Đại hội.

4.7 Nội dung 7: Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ: Chi tiết nội dung sửa đổi theo tờ trình số 03/2018/TTr-SCIEC-HĐQT ngày 16/04/2018 của Hội đồng quản trị Công ty.

- + Số phiếu tán thành: 112 phiếu, tương ứng 7.839.165 cổ phần, chiếm 96,78% cổ phần tham dự Đại hội.
- + Số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương ứng 0 cổ phần, chiếm 0% cổ phần tham dự Đại hội.
- + Số phiếu không có ý kiến: 03 phiếu, tương ứng 260.050 cổ phần, chiếm 3,21% cổ phần tham dự Đại hội.

4.8 Nội dung 8: Thông qua nội dung Quy chế quản lý nội bộ: Theo tờ trình số 04/2018/TTr-SCIEC-HĐQT ngày 16/04/2018 của Hội đồng quản trị Công ty.

- + Số phiếu tán thành: 113 phiếu, tương ứng 7.857.215 cổ phần, chiếm 97,00% cổ phần tham dự Đại hội.
- + Số phiếu không tán thành: 01 phiếu, tương ứng 100 cổ phần, chiếm 0% cổ phần tham dự Đại hội.
- + Số phiếu không có ý kiến: 01 phiếu, tương ứng 241.900 cổ phần, chiếm 2,99% cổ phần tham dự Đại hội.

4.9 Nội dung 9: Ủy quyền cho HĐQT phê duyệt một số nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại Hội đồng cổ đông bao gồm:

- Ủy quyền cho HĐQT phê duyệt các dự án đầu tư, các dự án mua sắm tài sản của Công ty năm 2018.
- Ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC bán niên và cả năm 2018.
- Ủy quyền cho HĐQT phê duyệt, quyết định nội dung các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- Ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh kế hoạch SXKD của Công ty (nếu có).
- Ủy quyền cho HĐQT phê duyệt phương án, hồ sơ thành lập, lựa chọn thời điểm đăng ký hoạt động Văn phòng đại diện có trụ sở trong nước hoặc nước ngoài để bảo đảm kịp thời và hiệu quả trong việc mở rộng, phát triển SXKD.

- + Số phiếu tán thành: 113 phiếu, tương ứng 7.856.215 cổ phần, chiếm 96,99% cổ phần tham dự Đại hội.
- + Số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương ứng 0 cổ phần, chiếm 0% cổ phần tham dự Đại hội.
- + Số phiếu không có ý kiến: 02 phiếu, tương ứng 243.000 cổ phần, chiếm 3,00% cổ phần tham dự Đại hội.

4.10 Nội dung 10: Thông qua thay đổi mô hình cơ cấu tổ chức Công ty: Theo mô hình tại điểm b khoản 1 Điều 134 luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13:

- + Số phiếu tán thành: 113 phiếu, tương ứng 7.854.015 cổ phần, chiếm 96,96% cổ phần tham dự Đại hội.
- + Số phiếu không tán thành: 01 phiếu, tương ứng 3.300 cổ phần, chiếm 0,04% cổ phần tham dự Đại hội.
- + Số phiếu không có ý kiến: 01 phiếu, tương ứng 241.900 cổ phần, chiếm 2,99% cổ phần tham dự Đại hội.

5. Nội dung phát sinh ngoài chương trình Đại hội đã thông qua: Không có.

V. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA BIÊN BẢN, NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VÀ BẾ MẠC ĐẠI HỘI:

- Biên bản này được lập vào hồi 16h45' ngày 27/04/2018 ngay sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 kết thúc chương trình đại hội.
- Biên bản này đã được đọc lại trước toàn thể Đại hội đồng cổ đông và đã được biểu quyết thông qua tại Đại hội với 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội.
- Biên bản này được lập thành ba (03) bản, có giá trị pháp lý như nhau, một (01) bản gửi UBCKNN, hai (02) bản lưu tại trụ sở Công ty cổ phần SCI E&C.
- Biên bản được đăng trên Website của Công ty trong vòng 24h kể từ khi kết thúc Đại hội.

THƯ KÝ



Nguyễn Văn Thanh

TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH

CHỦ TỌA



Nguyễn Công Hùng





CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
Tel: 024 3386 8243 | Fax: 024 3371 9676 | Website: www.sci-enc.com

Số: 04/2018/TT-SCIENC-HĐQT

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2018

TỜ TRÌNH

Nơi nhận : Đại hội đồng cổ đông

Nơi gửi : Hội đồng quản trị

Ban hành quy chế nội bộ về quản trị công ty

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ về quản trị Công ty;
- Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 về Hướng dẫn thực hiện Nghị định 71/2017/NĐ-CP;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần SCI E&C kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua quy chế nội bộ quản trị Công ty cổ phần SCI E&C cho phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và phù hợp với điều kiện thực tế trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua!

Trân trọng cảm ơn./.

Đính kèm:

- Quy chế nội bộ quản trị công ty;

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Công Hùng



SCI ENGINEERING & CONSTRUCTION JSC

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	3
ĐIỀU 1. Phạm vi điều chỉnh.....	3
ĐIỀU 2. Giải thích từ ngữ.....	3
CHƯƠNG II: CỔ ĐÔNG VÀ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG	4
ĐIỀU 3. Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông.....	4
ĐIỀU 4. Đối xử công bằng giữa các cổ đông.....	4
ĐIỀU 5. Cổ đông yêu cầu cung cấp thông tin.....	4
ĐIỀU 6. Cổ đông hạn làm việc trực tiếp với Hội đồng quản trị, Giám đốc.....	5
ĐIỀU 7. Cung cấp thông tin cho cổ đông và công chúng.....	5
CHƯƠNG III: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	6
ĐIỀU 8. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên.....	6
ĐIỀU 9. Cổ đông, thành viên độc lập yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	6
ĐIỀU 10. Cổ đông yêu cầu bổ sung chương trình họp của Đại hội đồng cổ đông.....	7
ĐIỀU 11. Cách thức đăng ký và ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông.....	7
ĐIỀU 12. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả biểu quyết.....	8
ĐIỀU 13. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ biên bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	8
ĐIỀU 14. Ghi và lập biên bản Đại hội đồng cổ đông.....	8
ĐIỀU 15. Thông báo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cho cổ đông và công bố ra công chúng.....	9
ĐIỀU 16. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	9
CHƯƠNG IV: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	10
ĐIỀU 17. Trình tự, cách thức, thủ tục đề cử, ứng cử vào Hội đồng Quản trị.....	10
ĐIỀU 18. Cách thức bầu thành viên Hội đồng Quản trị.....	10
ĐIỀU 19. Bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị.....	11
ĐIỀU 20. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	11
ĐIỀU 21. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	11
CHƯƠNG V: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	11
ĐIỀU 22. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	11
ĐIỀU 23. Thông báo họp Hội đồng Quản trị.....	12
ĐIỀU 24. Ủy quyền tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị.....	12
ĐIỀU 25. Bỏ phiếu trước bằng văn bản.....	12
ĐIỀU 26. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Hội đồng Quản trị.....	12
ĐIỀU 27. Biên bản và thông qua biên bản họp Hội đồng Quản trị.....	12
ĐIỀU 28. Công bố thông tin về nghị quyết Hội đồng Quản trị.....	13

CHƯƠNG VI : TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH 13

ĐIỀU 29. Tiêu chuẩn lựa chọn người điều hành 13
 ĐIỀU 30. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành..... 14
 ĐIỀU 31. Các trường hợp miễn nhiệm, từ chức đối với người điều hành..... 14
 ĐIỀU 32. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành..... 14

CHƯƠNG VII : QUY CHẾ LÀM VIỆC, QUAN HỆ CÔNG TÁC VÀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC 14

ĐIỀU 33. Bộ máy điều hành và giúp việc của Hội đồng quản trị 14
 ĐIỀU 34. Phân công, phân nhiệm giữa các thành viên Hội đồng quản trị 15
 ĐIỀU 35. Điều kiện làm việc của Hội đồng quản trị 15
 ĐIỀU 36. Nhiệm vụ của của Người phụ trách quản trị Công ty..... 15
 ĐIỀU 37. Bảo mật thông tin trong hoạt động của Hội đồng quản trị 16
 ĐIỀU 38. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc..... 16
 ĐIỀU 39. Trách nhiệm của Giám đốc trong việc chuẩn bị nội dung các cuộc họp Hội đồng Quản trị 16
 ĐIỀU 40. Mối quan hệ công việc giữa Hội đồng Quản trị và Giám đốc..... 16

CHƯƠNG VIII : QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH ĐIỀU HÀNH..... 17

ĐIỀU 41. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và người điều hành điều hành khác 17
 ĐIỀU 42. Khen thưởng 17
 ĐIỀU 43. Xử lý vi phạm và kỷ luật 17

CHƯƠNG IX : BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN..... 18

ĐIỀU 44. Nghĩa vụ công bố thông tin 18
 ĐIỀU 45. Tổ chức công bố thông tin..... 18

CHƯƠNG X : CHẾ ĐỘ GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM 18

ĐIỀU 46. Giám sát..... 18
 ĐIỀU 47. Xử lý vi phạm..... 18

CHƯƠNG XI : ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH 19

ĐIỀU 48. Điều khoản thi hành 19
 ĐIỀU 49. Hiệu lực 19

CHƯƠNG I : QUY ĐỊNH CHUNG

ĐIỀU 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế nội bộ về quản trị công ty được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Thông tư 95/2017/TT-BTC (gọi tắt là Thông tư 95) ngày 22/09/2017 của Bộ Tài Chính quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng và Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.

Quy chế này đề ra những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và người điều hành khác của Công ty.

Quy chế này sẽ điều chỉnh các nội dung chủ yếu sau:

1. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông;
2. Trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị;
3. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng Quản trị;
4. Trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm kiểm soát viên;
5. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành;
6. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc điều hành;
7. Quy định về đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành và các người điều hành khác;
8. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty
9. quy định báo cáo và công bố thông tin

ĐIỀU 2. Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau :

- a. “Quản trị công ty”: là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty.
- b. “Công ty”: là Công ty Cổ phần SCI E&C
- c. “Điều lệ”: là Điều lệ được Đại hội đồng Cổ đông Công ty thông qua ở từng thời điểm.
- d. “Cổ đông”: là những cá nhân, tổ chức sở hữu cổ phiếu của Công ty.
- e. “Đại hội đồng Cổ đông” hoặc “Đại hội”: là Đại hội đồng Cổ đông Công ty.
- f. “Người có liên quan”: là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 34, Điều 6 của Luật Chứng khoán, cụ thể như sau :
 - Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của cá nhân;
 - Tổ chức mà trong đó có cá nhân là nhân viên, Giám đốc, chủ sở hữu trên mười phần trăm (10%) số cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết;
 - Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc và các chức danh quản lý khác của tổ chức đó;
 - Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát;
 - Công ty mẹ, công ty con;
 - Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia.

g. “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành”: là thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại khoản 2, Điều 2 Nghị định 71: không phải là Giám đốc, phó Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

h. “Thành viên độc lập Hội đồng quản trị” (sau đây gọi là Thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp:

- Không phải là người đang làm việc cho Công ty mẹ, các công ty con của Công ty mẹ; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty mẹ, công ty con của Công ty mẹ ít nhất trong 03 năm liền trước đó.

- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty mẹ, trừ các khoản phụ cấp mà Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

- Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty mẹ; là người quản lý của Công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty mẹ;

- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty mẹ;

- Không phải là người đã từng làm Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty mẹ ít nhất trong 05 năm liền trước đó.

i. "Người điều hành": Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí điều hành khác trong Công ty được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm.

k. “Ban điều hành”: là Giám đốc, Phó Giám đốc.

2. Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

CHƯƠNG II : CỔ ĐÔNG VÀ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

ĐIỀU 3. Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông

1. Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông là thời điểm tài khoản lưu ký chứng khoán của cổ đông mở tại một thành viên lưu ký chứng khoán ghi có số dư cổ phiếu của Công ty. Đối với cổ phiếu chưa lưu ký, thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông là thời điểm tên và các thông tin về cổ đông được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

2. Sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp cho Công ty là căn cứ duy nhất để xác định tư cách, quyền và nghĩa vụ của cổ đông.

ĐIỀU 4. Đối xử công bằng giữa các cổ đông

1. Mọi cổ đông đều được đối xử công bằng, bao gồm cả cổ đông thiểu số và cổ đông là người nước ngoài.

2. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền và lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác.

ĐIỀU 5. Cổ đông yêu cầu cung cấp thông tin

1. Cổ đông và nhóm cổ đông có yêu cầu xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin theo quy định tại điểm e và f khoản 2 Điều 12 của Điều lệ sẽ thực hiện theo trình tự như sau:

- a. Cổ đông yêu cầu xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác phải gửi yêu cầu đến tổ chức lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký, đồng thời báo cho Công ty được biết. Đối với các cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu thì gửi trực tiếp yêu cầu bằng văn bản đến Hội đồng Quản trị Công ty (thông qua Người phụ trách quản trị Công ty).
 - b. Cổ đông yêu cầu xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có thể gửi yêu cầu bằng văn bản hoặc liên hệ trực tiếp với Người phụ trách quản trị Công ty để được cung cấp tài liệu. Công ty có thể gửi trích lục, bản sao chụp các tài liệu trên cho cổ đông bằng đường bưu điện, qua email theo yêu cầu của cổ đông. Cổ đông yêu cầu gửi tài liệu qua đường bưu điện phải trả phí bưu điện cho Công ty ngay khi đưa yêu cầu.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ thực hiện các quyền yêu cầu quy định tại các điểm từ a đến d khoản 3 Điều 12 của Điều lệ theo trình tự như sau:
- a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông lập yêu cầu bằng văn bản gửi cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị bằng cách gửi thư hoặc gửi trực tiếp tại bộ phận Văn thư của Công ty. Yêu cầu phải nêu rõ thông tin về cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu, thời gian sở hữu, các vấn đề xem xét, chữ ký của cổ đông hoặc toàn bộ các cổ đông trong nhóm cổ đông.
 - b. Chủ tịch Hội đồng Quản trị xem xét và phân công Người phụ trách quản trị Công ty cung cấp thông tin theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông; trường hợp từ chối kiến nghị thì phải trả lời cho cổ đông bằng văn bản.
 - c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền yêu cầu Ban kiểm soát làm việc với Chủ tịch Hội đồng Quản trị trong trường hợp không đồng ý với quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị về việc này.
 - d. Cổ đông phải trả phí cho việc cho Công ty khi yêu cầu trích lục, sao chụp tài liệu, bao gồm cả phí gửi bưu điện nếu cổ đông có yêu cầu.

ĐIỀU 6. Cổ đông hẹn làm việc trực tiếp với Hội đồng quản trị, Giám đốc

1. Cổ đông muốn làm việc trực tiếp với Hội đồng quản trị, Giám đốc để trao đổi, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo,... phải đăng ký với Người phụ trách quản trị Công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có trách nhiệm thông báo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc để sắp xếp lịch làm việc phù hợp. Căn cứ lịch làm việc, mức độ cần thiết của nội dung được yêu cầu, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc quyết định làm việc với cổ đông và trực tiếp hoặc cử người có thẩm quyền tham dự buổi làm việc. Người phụ trách quản trị Công ty thông báo cho cổ đông lịch làm việc và chuẩn bị tài liệu cho buổi làm việc (nếu có).
2. Người phụ trách quản trị Công ty có trách nhiệm lập biên bản làm việc giữa Hội đồng quản trị/Giám đốc và cổ đông, đồng thời có trách nhiệm lưu vào hồ sơ Công ty.

ĐIỀU 7. Cung cấp thông tin cho cổ đông và công chúng

1. Công ty tạo điều kiện để cổ đông và công chúng có thể nhận được thông tin chính thức từ Công ty một cách nhanh chóng, chính xác.
2. Thông tin của Công ty được cung cấp cho cổ đông thông qua các kênh sau:
 - a. Website chính thức của Công ty: <http://www.sci-enc.com>
 - b. Thông tin được báo cáo, công bố chính thức theo quy định của pháp luật về báo cáo, công bố thông tin đối với công ty chứng khoán, tổ chức niêm yết;
 - c. Thông cáo báo chí của Công ty;

- d. Phát ngôn của người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền công bố thông tin;
- đ. Các báo cáo, văn bản khác chính thức phát hành cho cổ đông hoặc công chúng.

CHƯƠNG III : TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

ĐIỀU 8. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Sau khi có báo cáo kiểm toán, Hội đồng Quản trị Công ty hợp, ra quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên và thống nhất thông qua các nội dung, chương trình đại hội.
2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị các công việc sau:
 - a. Thông báo việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
 - b. Lập xong danh sách cổ đông đủ điều kiện tham dự và biểu quyết tại đại hội cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (5) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, thông qua Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Trình tự, thủ tục chốt danh sách cổ đông thực hiện theo quy định của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.
 - c. Chuẩn bị nội dung, chương trình đại hội, xác định thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội.
 - d. Thông báo về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông trên website của Công ty và công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.
 - e. Gửi thư mời họp theo phương thức đảm bảo đến địa chỉ đã đăng ký của từng cổ đông có quyền dự họp; thông báo về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông trên website của Công ty và công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán trước ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày tổ chức Đại hội, tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư trên cơ sở danh sách cổ đông của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.
3. Thông báo, thư mời họp phải ghi rõ nội dung chương trình Đại hội, các vấn đề sẽ được thảo luận, biểu quyết tại Đại hội, thời gian và địa điểm tổ chức. Kèm theo thư mời họp gửi cho cổ đông phải có mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, mẫu xác nhận dự họp (nếu cần), chương trình họp, các tài liệu thảo luận cơ sở để thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình Đại hội, Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.

ĐIỀU 9. Cổ đông, thành viên độc lập yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ có quyền yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo trình tự sau:
 - a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông lập yêu cầu triệu tập cuộc họp bằng văn bản gửi cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị bằng cách gửi thư hoặc gửi trực tiếp tại bộ phận văn thư của Công ty. Yêu cầu phải ghi rõ thông tin về cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu, thời gian sở hữu, lý do yêu cầu triệu tập, các vấn đề cần thảo luận tại Đại hội, chữ ký của cổ đông hoặc toàn bộ các cổ đông trong nhóm cổ đông và các bằng chứng chứng minh cho yêu cầu của cổ đông.
 - b. Trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu từ cổ đông, Hội đồng Quản trị phải có văn bản trả lời chính thức bằng văn bản về yêu cầu triệu tập.
 - c. Cổ đông có quyền yêu cầu thành viên độc lập làm việc với Hội đồng Quản trị trong trường hợp không đồng ý với quyết định của Hội đồng Quản trị về việc này.

2. Trường hợp thành viên độc lập, cổ đông hoặc nhóm cổ đông phải tự mình triệu tập cuộc họp theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 4 Điều 14 của Điều lệ thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị và/hoặc Giám đốc có trách nhiệm tiến hành các thủ tục cần thiết để cung cấp cho họ danh sách cổ đông có quyền dự họp.
3. Công ty hoàn trả cho người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông các chi phí hợp lý cho việc triệu tập, tiến hành cuộc họp quy định tại Điều này (không bao gồm chi phí đi lại, ăn ở và các chi tiêu riêng của cổ đông dự họp) với điều kiện là người triệu tập cuộc họp phải xuất trình hóa đơn hợp lệ có ghi thông tin của Công ty là bên mua hàng.

ĐIỀU 10. Cổ đông yêu cầu bổ sung chương trình họp của Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ có quyền yêu cầu bổ sung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo trình tự như sau:
 - a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông lập yêu cầu bổ sung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản gửi cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị bằng cách gửi thư hoặc gửi trực tiếp tại bộ phận văn thư của Công ty ít nhất ba (03) ngày trước ngày tổ chức Đại hội dự kiến. Yêu cầu phải nêu rõ thông tin về cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu, thời gian sở hữu, các vấn đề cần bổ sung vào chương trình họp, chữ ký của cổ đông hoặc toàn bộ các cổ đông trong nhóm cổ đông và các bằng chứng chứng minh cho yêu cầu của cổ đông.
 - b. Trường hợp từ chối kiến nghị thì Hội đồng Quản trị phải trả lời cho cổ đông bằng văn bản trước ngày dự kiến tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông.
 - c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền yêu cầu thành viên độc lập làm việc với Hội đồng Quản trị trong trường hợp không đồng ý với quyết định của Hội đồng Quản trị về việc này.
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được chấp thuận kiến nghị bổ sung chương trình họp phải cung cấp cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị các tài liệu cần thiết để Ban tổ chức Đại hội chuẩn bị, in ấn và công bố trên trang thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sàn giao dịch chứng khoán, trang web của công ty và phát cho các cổ đông dự họp tham khảo và thảo luận, đồng thời chuẩn bị dự thảo nghị quyết về vấn đề này.
2. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ cũng có thể gửi kiến nghị đến Hội đồng Quản trị đề nghị bổ sung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo trình tự nêu trên. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị có toàn quyền xem xét và quyết định việc bổ sung nội dung này.

ĐIỀU 11. Cách thức đăng ký và ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có thể đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm một trong các cách thức sau: đăng ký trực tiếp, qua điện thoại, fax, gửi thư hoặc gửi thư điện tử cho công ty trước thời hạn ghi trong thư mời họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Nếu cổ đông không thể tham dự Đại hội thì có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự, việc ủy quyền cho người đại diện phải được lập thành văn bản theo mẫu của Công ty đã gửi kèm thư mời họp và phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:
 - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
 - b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

- c. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử, thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của người đại diện. Đại diện ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác.
- d. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải mang theo chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra và nộp lại văn bản bản gốc giấy ủy quyền trước khi vào họp.

ĐIỀU 12. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả biểu quyết

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên người được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó tương ứng với cổ phần mà cổ đông đang nắm giữ. Thẻ biểu quyết này dùng để biểu quyết tất cả các vấn đề cần biểu quyết trong Đại hội.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Khi tiến hành biểu quyết từng vấn đề tại Đại hội phải tổng hợp số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề. Tổng số thẻ ủng hộ, phản đối hay số thẻ không có ý kiến gì, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.
4. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình thông qua đều được xem là hợp lệ ngay cả khi Đại hội cổ đông không được triệu tập theo đúng trình tự và thủ tục quy định tại Điều lệ này hoặc vấn đề được thông qua không có trong chương trình Đại hội.

ĐIỀU 13. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ biên bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3, Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền phản đối biên bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bằng cách yêu cầu thư ký cuộc họp ghi ý kiến phản đối vào biên bản cuộc họp nếu nghị quyết công bố ngay tại cuộc họp, hoặc gửi văn bản đến Hội đồng Quản trị trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày biên bản, nghị quyết của Đại hội được gửi cho các cổ đông và được công bố trên website của Công ty.
2. Cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc có quyền yêu cầu tòa án hoặc trọng tài xem xét, hủy bỏ Nghị quyết hoặc một phần nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 24 của Điều lệ. Mọi chi phí liên quan đến thủ tục yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông sẽ do người yêu cầu trả.
3. Trong mọi trường hợp, cổ đông vẫn phải tuân thủ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cho đến khi có phán quyết có hiệu lực của tòa án hoặc trọng tài về việc hủy nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 14. Ghi và lập biên bản Đại hội đồng cổ đông

1. Thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm ghi toàn bộ diễn biến Đại hội, lập biên bản và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp.
2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt. Biên bản phải bao gồm các nội dung quy định tại Điều 146 Luật Doanh nghiệp.
3. Thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải đọc dự thảo biên bản tại đại hội để các cổ đông dự họp kiểm tra nội dung, biểu quyết thông qua trước khi trình Chủ tọa ký.
4. Chủ tọa và thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, kèm theo phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, phiếu biểu quyết, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết toàn văn được thông qua tại đại hội, các tài liệu gửi kèm theo thư mời và các tài liệu phát tại Đại hội phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty theo quy định.

ĐIỀU 15. Thông báo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cho cổ đông và công bố ra công chúng

1. Bản sao biên bản phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông (kể cả cổ đông không dự họp) trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày bế mạc cuộc họp.

2. Công ty phải tổ chức công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán trong thời hạn hai bốn (24) giờ theo quy theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

ĐIỀU 16. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty (trừ các nội dung quy định tại Khoản 2, Điều 21 Điều lệ này phải được biểu quyết thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông). Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: thực hiện theo khoản 3 điều 22 Điều lệ Công ty.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a) Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.

b) Gửi Fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua Fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi Fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu theo khoản 6 điều 22 Điều lệ Công ty

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn 24 giờ, trường hợp Công ty chưa có website thì phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết, quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG IV : ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐIỀU 17. Trình tự, cách thức, thủ tục đề cử, ứng cử vào Hội đồng Quản trị

1. Đề cử vào Hội đồng Quản trị:

a. Tiêu chuẩn Thành viên Hội đồng quản trị:

- Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng được các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 151 luật doanh nghiệp.

b. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng liên tiếp trở lên có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau thành nhóm cổ đông để đề cử các ứng viên bầu vào Hội đồng Quản trị.

c. Nếu cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu số cổ phần có quyền biểu quyết:

- Từ 05% đến dưới 20% thì được đề cử tối đa 01 ứng cử viên.

- Từ 20% đến dưới 50% thì được đề cử tối đa 02 ứng cử viên.

- Từ 50% đến dưới 65% thì được đề cử tối đa 03 ứng cử viên.

- Từ 65% trở lên thì được đề cử tối đa 05 ứng cử viên.

2. Nếu sau khi áp dụng các quy định về đề cử tại điểm b khoản 1 Điều này mà vẫn chưa đủ số ứng cử viên cần thiết Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng Quản trị đương nhiệm đề cử ứng viên Hội đồng quản trị được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

3. Danh sách, lý lịch và các thông tin có liên quan của các ứng viên được đề cử hoặc ứng cử để bầu vào Hội đồng Quản trị phải được gửi về cho Hội đồng Quản trị đương nhiệm chậm nhất hai (20) ngày trước khi Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức.

4. Danh sách ứng viên được đề cử hoặc ứng cử vào Hội đồng Quản trị (kèm theo lý lịch, thông tin) phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính của Công ty và địa điểm nơi tổ chức Đại hội.

ĐIỀU 18. Cách thức bầu thành viên Hội đồng Quản trị

1. Việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên hoặc phân bổ đồng đều.

2. Phiếu bầu do Ban tổ chức in sẵn, có danh sách các ứng viên, sắp xếp theo thứ tự theo bảng chữ cái tiếng Việt, có ghi giá trị hoặc số cổ phiếu, có đóng dấu Công ty.

3. Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.

4. Phiếu bầu được phát tại buổi họp Đại hội đồng cổ đông. Trên mỗi phiếu bầu có ghi tên những người ứng cử vào Hội đồng Quản trị, thông tin về cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ đại diện. Cổ đông phải kiểm tra số cổ phần ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu.

5. Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:

- a. Phiếu không phải của Ban kiểm phiếu phát hành;
- b. Phiếu bầu cho nhiều người hơn số lượng đã được quy định;
- c. Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung;
- d. Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bầu cử;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

6. Những người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

7. Trường hợp bầu lần thứ nhất không đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định thì phải tiến hành bầu tiếp lần hai trong số những người đó được đề cử của lần thứ nhất còn lại. Trường hợp khi bầu lần thứ hai vẫn chưa đủ số lượng quy định thì Đại hội đồng cổ đông quyết định có bầu tiếp hay không, nếu Đại hội đồng cổ đông không quyết định được thì chủ tọa Đại hội quyết định.

ĐIỀU 19. Bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Sau khi có kết quả bầu cử Thành viên Hội đồng Quản trị của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một (01) Chủ tịch.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc điều hành của Công ty.

ĐIỀU 20. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Việc thực hiện bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị trong các trường hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Điều lệ Công ty.

ĐIỀU 21. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG V : TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐIỀU 22. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
2. Hội đồng quản trị họp thường kỳ mỗi quý ít nhất một (01) lần của tháng đầu quý hoặc họp bất thường theo quy định tại Điều 30 của Điều lệ công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể mời các cá nhân khác tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị. Những người được mời có thể phát biểu ý kiến khi được chủ tọa yêu cầu, nhưng không được biểu quyết.
4. Người triệu tập cuộc họp Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chỉ đạo Người quản trị công ty chuẩn bị tài liệu họp và chuyển tài liệu cho từng thành viên Hội đồng Quản trị và đại biểu được mời họp.

ĐIỀU 23. Thông báo họp Hội đồng Quản trị

1. Giấy mời họp Hội đồng Quản trị phải được gửi cho thành viên Hội đồng Quản trị trong thời hạn ít nhất ba (03) ngày, trừ trường hợp trong cuộc họp tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị đều không có ý kiến đề nghị tổ chức họp lại vì lý do tài liệu họp không được chuyển đến đúng thời hạn.
2. Tài liệu họp của phiên họp Hội đồng quản trị phải được gửi kèm cùng giấy mời họp đến các thành viên Hội đồng Quản trị trong thời hạn ít nhất ba (03) ngày. Thành viên Hội đồng quản trị nếu như không nhận được tài liệu họp đúng thời hạn do lỗi của Hội đồng quản trị hay Người quản trị công ty có quyền đề nghị hoãn lại ngày họp và Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ tổ chức lại theo đề nghị của Thành viên.
3. Giấy mời họp được gửi bằng đường bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện phù hợp khác, nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng Quản trị đã được đăng ký tại Công ty.
4. Giấy mời họp phải ghi rõ thời gian, địa điểm họp, nội dung hoặc chương trình họp, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo giấy mời phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp đó.

ĐIỀU 24. Ủy quyền tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị (kể cả Chủ tịch Hội đồng Quản trị) có thể ủy quyền cho một (01) thành viên Hội đồng Quản trị khác tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị bằng văn bản gửi đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị trước ngày tổ chức họp ít nhất một (01) ngày. Chủ tịch Hội đồng Quản trị ủy quyền thì phải thông báo cho các thành viên Hội đồng Quản trị biết trước ngày tổ chức cuộc họp ít nhất một (01) ngày.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị không được phép ủy quyền cho người không phải là thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp nếu không được đa số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại chấp thuận.

ĐIỀU 25. Bỏ phiếu trước bằng văn bản

Các thành viên Hội đồng Quản trị không thể dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu trước bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị trước khi khai mạc cuộc họp. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

ĐIỀU 26. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền phản đối nghị quyết của Hội đồng Quản trị bằng các yêu cầu, thư ký cuộc họp ghi ý kiến phản đối vào biên bản cuộc họp nếu nghị quyết công bố ngay tại cuộc họp, hoặc gửi văn bản đến Hội đồng Quản trị nếu nghị quyết được công bố sau cuộc họp.
2. Trong mọi trường hợp, thành viên Hội đồng Quản trị vẫn phải tuân thủ nghị quyết của Hội đồng Quản trị cho đến khi có phán quyết có hiệu lực của tòa án hoặc trọng tài về việc hủy nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

ĐIỀU 27. Biên bản và thông qua biên bản họp Hội đồng Quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị đều phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có các nội dung chủ yếu sau:
 - a. Tên, trụ sở chính, số và ngày đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh.
 - b. Mục đích, chương trình và nội dung họp.
 - c. Thời gian, địa điểm họp.

- d. Họ và tên từng thành viên họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ và tên các thành viên không dự họp, lý do.
 - đ. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp
 - e. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp.
 - g. Kết quả biểu quyết, trong đó ghi rõ những thành viên đồng ý, những thành viên phản đối và những thành viên bỏ phiếu trắng.
 - h. Các vấn đề đã được thông qua.
 - i. Chữ ký của tất cả các thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp.
 - k. Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.
2. Biên bản họp Hội đồng Quản trị phải được thông qua và biểu quyết nhất trí tại cuộc họp Hội đồng Quản trị.
 3. Các tài liệu sử dụng trong cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty theo quy định.
 4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Thư ký Công ty có trách nhiệm chuyển biên bản họp và nghị quyết Hội đồng Quản trị cho các thành viên Hội đồng Quản trị (bao gồm các thành viên dự họp và các thành viên vắng mặt).

ĐIỀU 28. Công bố thông tin về nghị quyết Hội đồng Quản trị

Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ công ty và cho các cơ quan hữu quan (nếu được yêu cầu), hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của công ty theo trình tự và quy định của pháp luật doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG VI : TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH

ĐIỀU 29. Tiêu chuẩn lựa chọn người điều hành

1. Tiêu chuẩn của Giám đốc và điều kiện làm Giám đốc tuân thủ theo quy định tại Điều 65 Luật Doanh nghiệp.
2. Tiêu chuẩn và điều kiện được bổ nhiệm Phó Giám đốc:
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp.
 - b. Là người có trình độ chuyên môn trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty, có năng lực tổ chức chỉ đạo và thực hiện các công việc được giao trong lĩnh vực được phân công.
 - c. Về trình độ:
 - Phải có trình độ chuyên môn trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty từ trình độ đại học trở lên.
 - Thời gian công tác thực tế trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty ít nhất năm (05) năm tính đến ngày được bổ nhiệm.
3. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Kế toán trưởng.
 - a. Không thuộc các đối tượng những người không được làm kế toán quy định tại Điều 51 Luật Kế toán.

b. Về phẩm chất đạo đức: Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành và đấu tranh bảo vệ chính sách, chế độ, các quy định về quản lý kinh tế, tài chính của pháp luật và của công ty.

c. Về trình độ:

- Phải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên.
- Thời gian công tác thực tế là kế toán ít nhất năm (05) năm tính đến ngày được bổ nhiệm.
- Đối với Kế toán trưởng, phải có chứng chỉ kế toán trưởng theo quy định của pháp luật kế toán.

ĐIỀU 30. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm bổ nhiệm lại người điều hành

1. Thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại người điều hành thực hiện theo quy chế quản lý cán bộ của công ty.

ĐIỀU 31. Các trường hợp miễn nhiệm, từ chức đối với người điều hành

1. Người điều hành xin từ chức phải làm đơn gửi cho Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải xem xét và ra quyết định trong thời hạn 45 ngày, kể từ khi tiếp nhận đơn từ chức. Trong thời gian chưa có ý kiến chuẩn y của Chủ tịch Hội đồng quản trị thì người điều hành đó vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình ở vị trí đã được bổ nhiệm.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm người điều hành trong trường hợp sau:

- a. Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển cán bộ;
- b. Sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;
- c. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của công ty, vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức cách chức hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.

ĐIỀU 32. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành

Công ty phải tổ chức thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành trong nội bộ công ty và công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG VII : QUY CHẾ LÀM VIỆC, QUAN HỆ CÔNG TÁC VÀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC

MỤC 1: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐIỀU 33. Bộ máy điều hành và giúp việc của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị điều hành hoạt động của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao, thì Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho một ủy viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại chọn một trong số họ tạm giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị không thành lập bộ máy điều hành riêng, khi cần thiết Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy điều hành của Công ty để phục vụ cho công việc của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty hoặc sử dụng cán bộ thuộc bộ máy điều hành Công ty để làm Thư ký giúp việc cho Hội đồng quản trị.

ĐIỀU 34. Phân công, phân nhiệm giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phân công các thành viên phụ trách các lĩnh vực công việc của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ của mình trên cơ sở được cung cấp đầy đủ thông tin và phải trung thành, miễn cưỡng, tận trọng vì lợi ích của Công ty và các cổ đông.
2. Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty; phụ trách các lĩnh vực, công việc theo sự phân công của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm cá nhân về công việc được phân công.

ĐIỀU 35. Điều kiện làm việc của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy và con dấu của Công ty để thực hiện chức năng quản trị Công ty.
2. Văn phòng Công ty có trách nhiệm nhận và chuyển thư từ, tài liệu của Hội đồng quản trị. Tất cả thư từ, tài liệu của Hội đồng quản trị phải được chuyển cho Chủ tịch Hội đồng quản trị xử lý, trừ trường hợp văn bản hoặc phong bì gửi đích danh một thành viên Hội đồng quản trị.
3. Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền trực tiếp yêu cầu Giám đốc, các Phó Giám đốc, các người điều hành khác trong Công ty cung cấp các thông tin về các lĩnh vực công việc mà thành viên đó được Hội đồng quản trị phân công phụ trách. Các người điều hành khi được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.
4. Thời hạn cung cấp hoặc trả lời thông tin không quá ba (03) ngày sau khi nhận được yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp chưa thể cung cấp kịp thời thì có thể trả lời chậm hơn, nhưng cũng không quá năm (05) ngày.
5. Thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp giao việc cho nhân viên Công ty mà không thông qua Giám đốc Công ty, trừ trường hợp nhân viên Công ty được phân công làm việc trực tiếp với thành viên Hội đồng quản trị đó.
6. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị xác nhận và được hạch toán vào chi phí của Công ty.

ĐIỀU 36. Nhiệm vụ của của Người phụ trách quản trị Công ty

1. Người phụ trách quản trị Công ty có trách nhiệm sau:
 - a. Theo dõi chương trình hoạt động của Hội đồng quản trị và lịch công tác của Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Cung cấp thông tin cho thành viên Hội đồng quản trị. Chuẩn bị chương trình, tài liệu và cung cấp các tài liệu cho các thành viên Hội đồng quản trị để phục vụ các cuộc họp hoặc xin ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị; Ghi chép biên bản, nội dung các cuộc họp, làm việc, đàm phán của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Soạn thảo các văn bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị; Giúp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị triển khai, theo dõi, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - d. Tổng hợp trình Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị các đề nghị, văn bản, tài liệu gửi đến Hội đồng quản trị;
 - đ. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị.

- e. Lập sổ theo dõi công văn đi, đến của Hội đồng quản trị; cung cấp và thông báo cho các đối tượng liên quan về các nghị quyết, văn bản của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty;
 - g. Tư vấn về thủ tục các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - h. Được trực tiếp làm việc với các cán bộ, nhân viên của Công ty và các cơ quan, đơn vị khác để giải quyết công việc trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao; chịu trách nhiệm cá nhân trước Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị về công việc được giao;
 - i. Có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và đầy đủ của biên bản, nghị quyết họp Hội đồng quản trị.
 - k. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị giao.
2. Được hưởng các quyền lợi theo thỏa thuận trong hợp đồng lao động được ký với Hội đồng quản trị.

ĐIỀU 37. Bảo mật thông tin trong hoạt động của Hội đồng quản trị

Mọi thông tin về hoạt động của Hội đồng quản trị phải được giữ bí mật chỉ được trao đổi giữa các thành viên Hội đồng quản trị. Nghiêm cấm phổ biến ra ngoài phạm vi Hội đồng quản trị, ngoại trừ trường hợp những người ủy quyền dự họp theo quy định tại khoản 2 Điều 23 của Quy chế này và các trường hợp theo nghị quyết của Hội đồng quản trị.

MỤC 2: GIÁM ĐỐC

ĐIỀU 38. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Giám đốc Công ty do Hội đồng Quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức.
2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao
3. Nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể của Giám đốc được quy định tại khoản 4 Điều 35 của Điều lệ công ty.

ĐIỀU 39. Trách nhiệm của Giám đốc trong việc chuẩn bị nội dung các cuộc họp Hội đồng Quản trị

Giám đốc chuẩn bị các vấn đề sẽ được trao đổi và quyết định tại cuộc họp Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông trong phạm vi thẩm quyền quản lý của mình hoặc theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

ĐIỀU 40. Mối quan hệ công việc giữa Hội đồng Quản trị và Giám đốc

1. Giám đốc là người quyết định cao nhất về mọi hoạt động điều hành sản xuất của Công ty là người chịu trách nhiệm nghiên cứu, xây dựng các phương án hoạt động để trình Hội đồng Quản trị; tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị
2. Giám đốc được quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến đối với các quyết định của Hội đồng Quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái với quy định của Nhà nước và báo cáo giải trình ngay với Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát bằng văn bản.
3. Hội đồng Quản trị có thể đình chỉ hoặc hủy bỏ việc thi hành các quyết định của Giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, nghị quyết và các quyết định của Hội đồng Quản trị.

4. Giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố bất ngờ,...) nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó. Đồng thời phải báo cáo ngay với Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông trong thời gian gần nhất.
5. Giám đốc phải giải trình về sự thua lỗ và kém hiệu quả từng thời kỳ và kế hoạch khắc phục trình Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp thua lỗ liên tục và không xây dựng được phương án tích cực thì Hội đồng Quản trị sẽ ra nghị quyết bãi nhiệm Giám đốc.

CHƯƠNG VIII : QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH ĐIỀU HÀNH

ĐIỀU 41. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và người điều hành điều hành khác

1. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng Quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc.
2. Giám đốc chủ trì công tác đánh giá người điều hành trong công ty trên cơ sở căn cứ vào quy chế hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động hàng năm của từng phòng, phân xưởng sản xuất trong công ty để phân loại đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ như sau:
 - a. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
 - b. Hoàn thành tốt nhiệm vụ.
 - c. Hoàn thành nhiệm vụ
 - d. Chưa hoàn thành nhiệm vụ.

ĐIỀU 42. Khen thưởng

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng quản trị, Ban điều hành; Giám đốc trình Hội đồng quản trị (đối với bộ máy điều hành) đề xuất mức khen thưởng đối với các cá nhân theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ như khoản 3 Điều 51.
2. Chế độ khen thưởng
 - a. Bằng tiền.
 - b. Bằng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhân viên (nếu có).
3. Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng của công ty.
4. Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng cụ thể.

ĐIỀU 43. Xử lý vi phạm và kỷ luật

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định mức độ và hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và của Công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và người điều hành không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và người điều hành khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy định của công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IX : BẢO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

ĐIỀU 44. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty theo quy chế công bố thông tin của Công ty. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Ngoài ra công ty phải công bố kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin khác nếu thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư
2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.

ĐIỀU 45. Tổ chức công bố thông tin

1. Công ty tổ chức công bố thông tin gồm một số nội dung chủ yếu sau:
 - a. Xây dựng ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định tại luật chứng khoán và thông tư 155/2015/BTC của Bộ Tài chính
 - b. Đồng thời bổ nhiệm ít nhất một cán bộ chuyên trách về công bố thông tin
2. Cán bộ chuyên trách công bố thông tin có thể là Người phụ trách quản trị công ty hoặc một người điều hành kiêm nhiệm
3. Cán bộ chuyên trách về công bố thông tin phải là người:
 - a. Có kiến thức tài chính, kế toán, có kỹ năng nhất định về tin học;
 - b. Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông có thể dễ dàng liên hệ;
 - c. Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là liên hệ với các cổ đông, ghi nhận ý kiến của các cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của các cổ đông và các vấn đề quản trị công ty theo quy định;
 - d. Chịu trách nhiệm về công bố các thông tin của Công ty với nhà đầu tư theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

CHƯƠNG X : CHẾ ĐỘ GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

ĐIỀU 46. Giám sát

Công ty, các cá nhân và tổ chức liên quan chịu sự giám sát về quản trị công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 47. Xử lý vi phạm

Trường hợp công ty, các cá nhân và tổ chức liên quan vi phạm hoặc không thực hiện quy định tại quy chế này tùy theo tính chất và mức độ sẽ xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

ĐIỀU 48. Điều khoản thi hành

Quy chế này bao gồm 11 chương, 49 điều đã được biểu quyết thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 27 tháng 04 năm 2018. Trong quá trình thực hiện có những vấn đề mới phát sinh mà xét thấy cần phải sửa đổi, bổ sung quy chế cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của công ty, Hội đồng Quản trị họp xem xét, quyết định sửa và thông qua Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

ĐIỀU 49. Hiệu lực

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng Quản trị ký ban hành.

Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, các cổ đông và các cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực quy chế này.



Nguyễn Công Hùng



CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Tel: 024 3386 8243 | Fax: 024 3371 9676 | Website: www.sci-enc.com

Số: 05/2018/TTr-SCIEC-HĐQT

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2018

TỜ TRÌNH

Nơi nhận : Đại hội đồng cổ đông

Nơi gửi : Hội đồng quản trị

Thay đổi mô hình cơ cấu tổ chức công ty

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ về quản trị Công ty; Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 về Hướng dẫn thực hiện Nghị định 71/2017/NĐ-CP;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần SCI E&C kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thay mô hình cơ cấu tổ chức công ty theo mô hình quản trị không Ban kiểm soát. Kể từ khi được ĐHCĐ thông qua thay đổi này, Ban kiểm soát công ty không còn hoạt động bắt đầu từ ngày 27/04/2018.

Việc chuyển đổi cơ cấu quản trị từ mô hình Ban Kiểm soát sang mô hình Tiểu ban Kiểm toán (tên gọi khác là Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị) là nhằm tiếp cận với thông lệ quản trị công ty tốt trên thế giới, đồng thời nâng cao vai trò giám sát của HĐQT và bảo vệ lợi ích của các cổ đông tốt hơn, nhất là cho cổ đông thiểu số.

Cơ sở áp dụng: [Điều 134: Cơ cấu tổ chức quản lý công ty cổ phần], [Khoản 1: Công ty cổ phần có quyền lựa chọn tổ chức quản lý và hoạt động theo một trong hai mô hình sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:], [Mục b: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Trường hợp này ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập và có Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị. Các thành viên độc lập thực hiện chức năng giám sát và tổ chức thực hiện kiểm soát đối với việc quản lý điều hành công ty] theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua!

Trân trọng cảm ơn./.



Nguyễn Công Hùng



SCI ENGINEERING & CONSTRUCTION JSC

BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT



BÁO CÁO
CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C
(Trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2018)

Thực hiện quyền và nhiệm vụ của ban kiểm soát được quy định tại Luật Doanh nghiệp, điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty. Ban kiểm soát Công ty cổ phần SCI E&C xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017 và phương hướng hoạt động năm 2018 như sau:

I. Phạm vi kiểm soát.

Kiểm soát chiến lược: Xem xét đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị (HDQT) Công ty liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

Kiểm soát hoạt động: Kiểm tra, đánh giá toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) của Công ty; việc ban hành, thực hiện các quy định, quy chế nhằm phát hiện những sai phạm hoặc rủi ro tiềm ẩn từ đó có những kiến nghị đối với HDQT, ban lãnh đạo Công ty cho phù hợp.

Kiểm soát báo cáo tài chính: Kiểm tra, đánh giá tính hợp pháp, hợp lý, tính minh bạch các Báo cáo tài chính quý và Báo cáo tài chính năm 2017.

II. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017

Thông qua chương trình hoạt động, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017. Ban kiểm soát đã triển khai hoạt động theo đúng quyền hạn, nhiệm vụ được quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty. Ban kiểm soát đã lập kế hoạch, xây dựng kế hoạch làm việc, phân giao nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban kiểm soát để triển khai công tác kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của Công ty, cụ thể như sau:

- Đã kiểm tra, giám sát hoạt động SXKD của Công ty nhằm mục đích đảm bảo mọi hoạt động của Công ty luôn tuân thủ các quy định pháp luật, điều lệ công ty và Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2017.
- Kiểm tra việc ban hành và thực hiện các văn bản, quy chế, quy định nội bộ đảm bảo tuân thủ đúng pháp luật và phù hợp với tình hình phát triển của Công ty;
- Tham gia, đóng góp ý kiến tại các cuộc họp HDQT;
- Hàng quý, thẩm định Báo cáo hoạt động của HDQT, Báo cáo tài chính, báo cáo kết quả SXKD, các báo cáo quản trị khác đảm bảo các báo cáo phản ánh trung thực tình hình SXKD, tình hình tài chính Công ty tại thời điểm báo cáo;
- Rà soát, thẩm định nội dung các báo cáo phục vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và giám sát các thủ tục, trình tự trong tổ chức ĐHĐCĐ năm 2018

III. Sự phối hợp giữa Ban kiểm soát với HDQT, Ban Giám đốc và cổ đông.

- Trong kỳ hoạt động, BKS đã có sự phối hợp chặt chẽ với HDQT, Ban Giám đốc trong việc kiểm tra giám sát mọi hoạt động SXKD của Công ty;
- HDQT, Ban Giám đốc, các phòng chức năng đã cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin, tài liệu phục vụ Ban kiểm soát thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định;
- Quan hệ với cổ đông: Trong kỳ hoạt động vừa qua BKS không nhận được văn bản nào của cổ đông yêu cầu kiểm tra các vấn đề liên quan đến công tác quản lý, điều hành của HDQT và Ban Giám đốc.

IV. Kết quả giám sát đối với HDQT, Ban Giám đốc và bộ máy quản lý điều hành Công ty.

- Về mặt nhân sự: Trong năm 2017 không có sự thay đổi nhân sự thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát.
- Trong kỳ hoạt động HĐQT, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty cơ bản đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nhiệm vụ được giao đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông;
- Công tác chỉ đạo của HĐQT kịp thời, sát sao có tính chiến lược dài hạn;
- HĐQT đã chỉ đạo, giám sát Ban Giám đốc trong việc xây dựng và thực hiện các quy chế, quy định quản lý nội bộ, sửa đổi bổ sung kịp thời phù hợp với quy định của pháp luật và sự phát triển của Công ty;
- HĐQT đã bám sát nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017 các Nghị quyết của HĐQT trong năm 2017 có sự nhất trí cao của các thành viên HĐQT.
- Các phòng, đội thi công đảm bảo tuân thủ quy định của Nhà nước và Điều lệ công ty. Thường xuyên rà soát hệ thống hóa các văn bản quản lý nội bộ của Công ty.

Đánh giá tổng thể thì năm 2017 Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và bộ máy quản lý của Công ty cổ phần SCI E&C đã thực hiện tốt các hoạt động quản lý, điều hành công ty và cơ bản đã đạt được các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

V. Đánh giá tình hình hoạt động và tài chính của Công ty năm 2017

1. Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017:

- Ban kiểm soát nhất trí với các nội dung trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh. Phần lớn các chỉ tiêu đều hoàn thành so với kế hoạch đề ra trong Đại hội đồng cổ đông năm 2017, cụ thể:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2017	% hoàn thành
1	Doanh thu	Tỷ đồng	876,8	847,9	103,4%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	19,2	18	106,6%
3	Thu nhập bình quân người	Triệu đồng	10,2	8,5	118,2%

- Kết quả sản xuất kinh doanh cho thấy trong điều kiện vĩ mô rất khó khăn, việc làm và lao động cạnh tranh rất gay gắt, đặc biệt với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, nhưng công ty bằng mọi nguồn lực của mình đã hoàn thành vượt các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, thu nhập của người lao động được Đại hội đồng cổ đông giao.

2. Thẩm định báo cáo tài chính của công ty năm 2017:

- Ban kiểm soát đã thực hiện thẩm định các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính; kiểm tra sổ sách, chứng từ kế toán, hồ sơ kiểm kê vật tư, tài sản, tiền vốn, khối lượng dở dang tại thời điểm 31/12/2017 và các hồ sơ tài liệu có liên quan khác.
- Xem xét báo cáo kiểm toán do tổ chức kiểm toán độc lập phát hành.
- Tính toán và phân tích các chỉ số tài chính để kiểm tra kết quả hoạt động về mặt tài chính và đánh giá mức độ lành mạnh của tài chính công ty :
 - + Chỉ số lưu động (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn) = 1,02 lần
 - + Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) = 2,05 %.
 - + Lợi nhuận sau thuế/Vốn của chủ sở hữu (ROE) = 11,19 %
 - + Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ = 15,34 %
 - + Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu = 4,45 lần.

Sau khi thẩm định báo cáo tài chính, Ban kiểm soát có nhận xét như sau:

- Công ty đã thực hiện đúng các quy định của Luật kế toán, Chế độ kế toán và các chuẩn mực kế toán Việt Nam; đồng thời phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của công ty. Việc lập, luân chuyển, sử dụng và bảo quản chứng từ kế toán nhìn chung đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ; việc lập, ghi chép, sử dụng và bảo quản sổ sách kế toán đầy đủ kịp thời đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành. Báo cáo tài chính được lập đúng theo mẫu biểu, được gửi tới đúng đối tượng và đúng thời gian quy định.
 - Chỉ số lưu động bằng 1,02 lần giảm so với năm 2016. Tình hình tài chính của công ty lành mạnh, khả năng thanh khoản nhanh. Các chỉ số ROA, ROE, Lợi nhuận sau thuế/ vốn điều lệ đều tăng cao so với năm 2016, chứng tỏ công tác quản lý chi phí, nâng cao doanh thu, lợi nhuận của doanh nghiệp phát huy hiệu quả. Vì vậy Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cần tiếp tục phát huy, và tập trung đẩy mạnh công tác thu hồi vốn để đảm bảo vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.
 - Nợ phải trả/Vốn CSH: 4,45 lần cao hơn so với năm 2016 cho thấy cơ cấu vốn của Công ty đang chuyển dịch về phân vay nợ nhiều hơn, là do sản lượng thực hiện và doanh thu công ty năm 2017 tăng hơn so với năm 2016 là 500 tỷ đồng trong khi vốn điều lệ không tăng, vì vậy công ty phải tài trợ hoạt động sản xuất kinh doanh của mình bằng nguồn vốn vay ngân hàng. Tuy nhiên đề nghị công ty cần tập trung và có các biện pháp giảm tỷ lệ nợ phải trả/ VCSH xuống để đảm bảo an toàn tài chính.
 - Như vậy, Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán của công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của công ty tại ngày 31/12/2017, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kiểm toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan; tình hình tài chính công ty hiện tại lành mạnh và minh bạch.
3. Công tác thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc phân phối lợi nhuận, trả cổ tức và tăng vốn:
- Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 01/NQ/SICCO/ĐHĐCĐ ngày 28/04/2017 công ty đã tiến hành việc phân phối lợi nhuận năm 2016.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm Công ty cổ phần SCI E&C năm 2017. Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

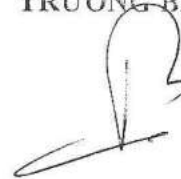
Trân trọng báo cáo!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, Ban GD;
- Lưu BKS, TCHC.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



Trần Thị Len



SCI ENGINEERING & CONSTRUCTION JSC

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY



MỤC LỤC

CHƯƠNG I : ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
ĐIỀU 1. Định nghĩa	5
CHƯƠNG II : TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	5
ĐIỀU 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	5
ĐIỀU 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	6
CHƯƠNG III : MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	7
ĐIỀU 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	7
ĐIỀU 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	7
CHƯƠNG IV : VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	8
ĐIỀU 6. Vốn điều lệ, cổ phần	8
ĐIỀU 7. Chứng nhận cổ phiếu	9
ĐIỀU 8. Chứng nhận chứng khoán khác	10
ĐIỀU 9. Chuyển nhượng cổ phần	10
ĐIỀU 10. Thu hồi cổ phần, mua lại cổ phần và điều kiện thanh toán xử lý cổ phần được mua lại	11
CHƯƠNG V : CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ	12
ĐIỀU 11. Cơ cấu tổ chức quản trị	12
CHƯƠNG VI : CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	13
ĐIỀU 12. Quyền của cổ đông	13
ĐIỀU 13. Nghĩa vụ của cổ đông	14
ĐIỀU 14. Đại hội đồng cổ đông	14
ĐIỀU 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	15
ĐIỀU 16. Đại diện theo ủy quyền	16
ĐIỀU 17. Thay đổi các quyền	17
ĐIỀU 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	17
ĐIỀU 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	18
ĐIỀU 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	19
ĐIỀU 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	20
ĐIỀU 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	21
ĐIỀU 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	22
ĐIỀU 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	23
CHƯƠNG VII : HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	23
ĐIỀU 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	23
ĐIỀU 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	24

ĐIỀU 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	26
ĐIỀU 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	27
ĐIỀU 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	28
ĐIỀU 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	28
ĐIỀU 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	30
ĐIỀU 32. Người phụ trách quản trị Công ty	30
CHƯƠNG VIII : GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	31
ĐIỀU 33. Tổ chức bộ máy quản lý	31
ĐIỀU 34. Người điều hành doanh nghiệp	31
ĐIỀU 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc điều hành	31
CHƯƠNG IX : TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	33
ĐIỀU 36. Trách nhiệm căn trọng	33
ĐIỀU 37. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	33
ĐIỀU 38. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	34
CHƯƠNG X : QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	34
ĐIỀU 39. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	34
CHƯƠNG XI : CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	35
ĐIỀU 40. Công nhân viên và công đoàn	35
CHƯƠNG XII : PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	35
ĐIỀU 41. Phân phối lợi nhuận	35
CHƯƠNG XIII : TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN 36	
ĐIỀU 42. Tài khoản ngân hàng	36
ĐIỀU 43. Năm tài chính	36
ĐIỀU 44. Chế độ kế toán	36
CHƯƠNG XIV : BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	36
ĐIỀU 45. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	36
ĐIỀU 46. Báo cáo thường niên	37
CHƯƠNG XV : KIỂM TOÁN CÔNG TY	37
ĐIỀU 47. Kiểm toán	37
CHƯƠNG XVI : CON DẤU	38
ĐIỀU 48. Con dấu	38
CHƯƠNG XVII : CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	38
ĐIỀU 49. Chấm dứt hoạt động	38
ĐIỀU 50. Gia hạn hoạt động	38
ĐIỀU 51. Thanh lý	38

ĐIỀU 52. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông	39
CHƯƠNG XVIII : GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	39
ĐIỀU 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ	39
CHƯƠNG XIX : BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	39
ĐIỀU 54. Điều lệ Công ty.....	39
CHƯƠNG XX : NGÀY HIỆU LỰC.....	40
ĐIỀU 55. Ngày hiệu lực	40

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này là cơ sở pháp lý, chi phối toàn bộ hoạt động của Công ty Cổ phần SCI E&C (dưới đây gọi là “Công ty”). Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thường niên biểu quyết nhất trí thông qua tại cuộc họp ngày 27 tháng 4 năm 2018.

MINI

CHƯƠNG I : ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

ĐIỀU 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a. “Địa bàn kinh doanh” có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.
 - b. “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 6 của Điều lệ này.
 - c. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản sửa đổi, bổ sung.
 - d. “Luật chứng khoán” là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010
 - đ. “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu.
 - e. “Người điều hành doanh nghiệp” là Giám đốc điều hành, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.
 - f. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp; Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán;
 - g. “Cổ đông” có nghĩa là mọi cá nhân hay pháp nhân được ghi tên trong sổ đăng ký Cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu cổ phiếu của Công ty.
 - h. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật Chứng khoán;
 - i. “Thời hạn hoạt động” là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
 - j. “Việt Nam” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II : TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐIỀU 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:
 - a. Tên tiếng Việt:
Công ty Cổ phần SCIE&C
 - b. Tên tiếng Anh:
SCIE&C Joint Stock Company
 - c. Tên viết tắt:
SCIE&C
2. Biểu tượng Công ty:



3. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
4. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
 - a. Địa chỉ: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
 - b. Điện thoại: (84-24) 3 3868 243 Fax: (84-24) 3 3868 243
 - c. Website: www.sci-enc.com; Email: enc@scigroup.vn
6. Công ty có thể thành lập Chi nhánh và Văn phòng đại diện của Công ty để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp không cấm.
7. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 49 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 50 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập đến vô thời hạn.
8. Hình thức pháp lý và tư cách pháp nhân của Công ty
 - a. Công ty được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty TNHH một thành viên Cơ khí và Sửa chữa Sông Đà 9 thành Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9, sau đó đổi tên thành Công ty Cổ phần SCIE&C từ ngày 28/4/2017. Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, các văn bản liên quan và Điều lệ.
 - b. Công ty có tư cách pháp nhân, con dấu; được mở tài khoản tiền Việt Nam và ngoại tệ tại Kho bạc Nhà Nước, các ngân hàng trong nước, nước ngoài theo quy định của pháp luật.
 - c. Công ty có vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ bằng toàn bộ tài sản của mình.
 - d. Công ty có quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt đối với vốn, tài sản, tên gọi, biểu tượng, thương hiệu của Công ty theo quy định của pháp luật.
 - e. Công ty giữ vai trò trung tâm chi phối và liên kết các hoạt động của toàn bộ Công ty nhằm đạt hiệu quả sản xuất kinh doanh cao nhất.
 - f. Công ty trực tiếp quản lý các phần vốn của Công ty trong các doanh nghiệp liên doanh, liên kết với các đối tác trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật hiện hành.
 - g. Công ty chịu sự quản lý Nhà nước của cơ quan Nhà nước các cấp theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty được quản lý bởi Hội đồng quản trị và được điều hành bởi Giám đốc.
2. Công ty có người đại diện theo pháp luật duy nhất là Giám đốc điều hành.
3. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật:
 - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
 - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - đ. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

- e. Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
- g. Tuyển dụng lao động;
- h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG III : MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐIỀU 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Xây dựng và phát triển Công ty trở thành một doanh nghiệp mạnh, có khả năng thi công trọn gói các công trình ở trong nước và quốc tế; lấy hiệu quả kinh tế làm thước đo chủ yếu cho sự phát triển bền vững của Công ty; thực hiện đa dạng hóa ngành nghề, đa dạng hóa sản phẩm trong xây lắp; phát huy mọi nguồn lực để không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh, nâng cao đời sống của người lao động, góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển của Công ty.
2. Kinh doanh có lãi, bảo đảm an toàn và phát triển vốn đầu tư tại Công ty và các doanh nghiệp khác; tối đa hóa lợi nhuận, phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh, đem lại lợi ích tối đa cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước thông qua các loại thuế từ kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh.

ĐIỀU 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Phạm vi kinh doanh và hoạt động:
 - Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
 - Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác mà pháp luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Đầu tư, quản lý vốn đầu tư và trực tiếp sản xuất, kinh doanh trong các lĩnh vực:
 - Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
 - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu, các xưởng hóa chất, Xây dựng công trình cửa như: Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống... Đập và đê, xây dựng đường hầm; các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời;
 - Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình công ích;
 - Xây dựng đường dây và trạm biến áp 220KV;
 - Hoạt động xây dựng chuyên dụng;
 - Phá dỡ. Chuẩn bị mặt bằng: Làm sạch mặt bằng xây dựng; vận chuyển đất: đào, lấp, san mặt bằng và ủi tại các mặt bằng xây dựng, tiêu nước, vận chuyển đá, nổ mìn. Chuẩn bị mặt bằng để khai thác như: Chuyển vật công kênh và các hoạt động chuẩn bị, phát triển khác đối với mặt bằng và tài sản khoáng sản, ngoại trừ ở những vùng dầu và khí; Khoan thăm dò, khoan lỗ kiểm tra, lấy mẫu thử để kiểm tra về địa chất, địa vật lý hoặc các mục đích tương tự; hệ thống cấp thoát nước tại mặt bằng xây dựng; hệ thống cấp thoát nước nông nghiệp và lâm nghiệp;

- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Xây dựng nền móng của tòa nhà, gồm đóng cọc;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- Bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu: Bán buôn phương tiện vận tải, các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu, thiết bị dụng cụ đo lường;
- Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị;
- Khai thác quặng kim loại (Chỉ được kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Mua bán điện;
- Cho thuê ô tô; Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp;
- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; các dịch vụ xử lý, gia công kim loại;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

3. Đầu tư tài chính vào các công ty con, công ty liên kết:

Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác mà pháp luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG IV : VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

ĐIỀU 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty hiện tại là 100.000.000.000 VNĐ (Một trăm tỷ đồng).
2. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 10.000.000 (Mười triệu) cổ phần với mệnh giá là 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phần.
3. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
4. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này chỉ bao gồm cổ phần phổ thông.

5. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
6. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp tại thời điểm thông qua Điều lệ này sẽ được nêu tại Phụ lục 04 (Phụ lục này là một phần không tách rời của Điều lệ này).

Cổ phần phổ thông phát hành thêm phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi (20) ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.
7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật.
9. Vốn điều lệ được sử dụng cho các hoạt động kinh doanh sau:
 - a. Mua sắm tài sản cố định, máy móc trang thiết bị mở rộng quy mô hoạt động của công ty;
 - b. Phát triển kỹ thuật nghiệp vụ;
 - c. Mua cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn liên doanh;
 - d. Các dự trữ cần thiết về động sản, bất động sản;
 - e. Kinh doanh theo ngành nghề kinh doanh đã đăng ký trong Giấy phép kinh doanh;
 - f. Công ty không sử dụng vốn điều lệ để chia cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào (trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác phù hợp với các quy định của pháp luật).

ĐIỀU 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu ứng với số cổ phần và loại cổ phiếu sở hữu.
2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty (hoặc thời hạn lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa

ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty đồng thời phải có cam đoan về các nội dung sau:

- a. Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả công ty để tiêu hủy;
- b. Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới;
- c. Đối với cổ phiếu có giá trị danh nghĩa trên mười (10) triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác và sau mười lăm (15) ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới.

ĐIỀU 8. Chứng nhận chứng khoán khác

1. Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.
2. Công ty không được quyền phát hành trái phiếu trong các trường hợp sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:
 - a. Không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong ba (03) năm liên tiếp trước đó;
 - b. Việc phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn không bị hạn chế bởi các quy định tại điểm a và điểm b khoản này.
 - c. Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình quyết định của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.
3. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

ĐIỀU 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Chào bán
Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ trường hợp sau đây:
 - a. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
 - b. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty;
 - c. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.Sau khi cổ phần được bán, Công ty phát hành giấy chứng nhận cổ phiếu cho người mua. Các thông tin về cổ đông được ghi đầy đủ trong giấy chứng nhận cổ phiếu và tại sổ đăng ký cổ đông của Công ty là cơ sở để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Công ty.
2. Chuyển nhượng
Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng Khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng Khoán. Bên chuyển

nhượng chứng khoán vẫn có quyền, nghĩa vụ của cổ đông tại Công ty đến khi người nhận chuyển nhượng được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Các điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần ra công chúng cũng được thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

3. Thừa kế

a. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của công ty.

b.. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự

ĐIỀU 10. Thu hồi cổ phần, mua lại cổ phần và điều kiện thanh toán xử lý cổ phần được mua lại

1. Thu hồi cổ phần.

a. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.

b. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

c. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các điểm d,e,f và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.

d. Cổ phần bị thu hồi được coi là cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

e. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 15% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi

f. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

2. Mua lại cổ phần.

a. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông.

- Cổ đông biểu quyết phân đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.

- Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

b. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty.

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

- Hội đồng quản trị có quyền quyết định giá mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai (12) tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

- Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại. Đối với cổ phần loại khác và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;

- Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức đảm bảo đến được tất cả cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty;

- Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

3. Điều kiện thanh toán và xử lý số cổ phần được mua lại.

Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

a. Cổ phần được mua lại theo quy định tại khoản 2 Điều này được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán.

b. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Công ty.

c. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

CHƯƠNG V : CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ

ĐIỀU 11. Cơ cấu tổ chức quản trị

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị của Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng quản trị;
- c. Giám đốc điều hành.

CHƯƠNG VI : CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

ĐIỀU 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền; hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa; hoặc gửi qua email ghi trên thông báo mời họp;
 - b. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Trường hợp công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với Nhà nước, thuế, phí) và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 129 của Luật Doanh nghiệp 2014;
 - i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ ít nhất từ (10%) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:
 - a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 25 Điều lệ này;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị Công ty thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp 2014;
 - c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Yêu cầu Hội đồng quản trị kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập hoặc đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

ĐIỀU 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
 - e. Ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị Công ty làm đại diện cho chính mình tại Đại hội đồng cổ đông.
3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

ĐIỀU 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính..
2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan..
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với đầu kỳ;
 - c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên của Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích

cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại theo quy định tại điểm c khoản 3 hoặc nhận được yêu cầu theo quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp 2014.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

ĐIỀU 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;

b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;

c. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:

a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;

b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;

d. Lựa chọn công ty kiểm toán;

e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị trong năm tài chính và Dự toán tiền thù lao của Hội đồng quản trị trong năm kế hoạch;

g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;

i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;

l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;

- m. Công ty mua lại hơn 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
 - n. Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn ba lần (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Các hợp đồng quy định tại điểm n khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 16. Đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.
 2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
- Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
 4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

ĐIỀU 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham gia dự họp thông qua, đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

ĐIỀU 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 14 hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Thời hạn chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho Đại hội;

d. Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

g. Các công việc khác phục vụ Đại hội;

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp trên trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị liên quan đến Khoản 4 của Điều này trong các trường hợp sau:
- a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, Cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
6. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện một trăm phần trăm (100%) số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.
7. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.

ĐIỀU 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết..
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất dự kiến phê chuẩn.
4. Theo đề nghị của Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 của Điều lệ này.

ĐIỀU 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ cuộc họp.

3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không thay đổi.

4. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ toạ cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ toạ, thành viên độc lập Hội đồng quản trị điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ toạ cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ toạ cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp

6. Chủ toạ có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

- a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

7. Chủ toạ có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

Trường hợp chủ toạ hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 7 điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ toạ điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên ra khỏi Đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp.
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội;
 - d. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, người triệu tập họp đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:
 - a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
 - b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;
 - c. Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.
11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.
12. Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

ĐIỀU 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 của Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.
 - a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
 - b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty;
 - c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và báo cáo về việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc điều hành.
2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp
3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể Công ty, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.
4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

ĐIỀU 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số quyết định thành lập của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.
5. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty theo các hình thức sau:
 - a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.
 - b. Gửi Fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ điều hành Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết/quyết định;

- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các quyết định đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- 7. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu hoặc công bố trên website của Công ty trong hai mươi tư (24) giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
- 8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- 9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất năm mươi một (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số Doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ tên Chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

- 2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.
5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của các cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

ĐIỀU 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp 2014 có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung Nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng [30] ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG VII : HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐIỀU 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

ĐIỀU 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành phần Hội đồng quản trị có số thành viên HĐQT độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT. Số lượng tối thiểu thành viên HĐQT độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

3. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Có đơn xin từ chức;

c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

đ. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

e. Bị tòa án kết án bằng bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật;

f. Không trung thực trong thực thi nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc người khác;

g. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách ứng viên Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam;

b. Có đủ năng lực hành vi dân sự, có trình độ chuyên môn, năng lực quản lý, kinh nghiệm trong lĩnh vực hoạt động chính của Công ty;

c. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật;

d. Không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

- e. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật.
5. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
- Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.
6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
7. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.
8. Tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:
- Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.
 - Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
 - Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
 - Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.
 - Không phải là cổ đông lớn hoặc người đại diện của cổ đông lớn hoặc người có liên quan của cổ đông lớn của công ty;
 - Không làm việc tại các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật, kiểm toán cho công ty trong hai (02) năm gần nhất;
 - Không phải là đối tác hoặc người liên quan của đối tác có giá trị giao dịch hàng năm với công ty chiếm từ ba mươi phần trăm (30%) trở lên tổng doanh thu hoặc tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào của công ty trong hai (02) năm gần nhất.
9. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 10 Điều 25 và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

ĐIỀU 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược phát triển, kế hoạch phát triển trung và dài hạn của Công ty; kế hoạch phát triển SXKD hàng năm;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;
 - d. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người điều hành khác;
 - e. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - f. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
 - g. Đề xuất các loại cổ phần có thể phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
 - h. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển và trái phiếu kèm chứng quyền;
 - i. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
 - j. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);
 - k. Đề xuất mức cổ tức hàng năm, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
 - l. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
 - m. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc điều hành.
 - n. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;
 - o. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - p. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
 - a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty

- d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - đ. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - e. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch;
 - f. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - g. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - h. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
 - i. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
 - k. Quyết định mức giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
 - l. Hội đồng quản trị công ty được quyền chủ động huy động vốn phục vụ SXKD trong phạm vi hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Công ty không vượt quá 3 lần tại thời điểm báo cáo tài chính gần nhất.
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc điều hành và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

ĐIỀU 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.
2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra Chủ tịch.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

ĐIỀU 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.
3. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
 - a. Giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
 - b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị.
4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp thuận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Địa điểm họp, các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
7. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội

đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp và các phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị và các thành phần sự họp được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp, nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết.

a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 11 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 11 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá

trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b Khoản 4 Điều 37 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

12. Công khai lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên này phải công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

13. Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định trên cơ sở tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

15. Biên bản họp Hội đồng quản trị: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

ĐIỀU 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.

ĐIỀU 32. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

- b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
 - c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.
4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty.
 - h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

CHƯƠNG VIII : GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

ĐIỀU 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty có một hệ thống quản lý mà theo đó đảm bảo bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị trong việc sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty có một (01) Giám đốc điều hành, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi miễn các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng một nghị quyết Hội đồng quản trị.

ĐIỀU 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cưỡng để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc điều hành sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc điều hành.

ĐIỀU 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc điều hành

1. Chức năng:

Giám đốc điều hành là người đại diện theo pháp luật, điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, phù hợp với Điều lệ này; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Bổ nhiệm.

Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc điều hành; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc điều hành phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

3. Nhiệm kỳ:

Nhiệm kỳ của Giám đốc điều hành không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc điều hành không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Giám đốc điều hành có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- c. Kiến nghị số lượng và người điều hành khác mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị mức lương, thù lao và lợi ích khác đối với người điều hành khác để Hội đồng quản trị quyết định;
- d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- e. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
- f. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;
- g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty;
- j. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
- k. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Giám đốc điều hành và pháp luật;

5. Giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
6. Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng lao động ký và quyết định của Hội đồng quản trị. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.
7. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc điều hành khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm một Giám đốc điều hành mới thay thế.

CHƯƠNG IX : TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

ĐIỀU 36. Trách nhiệm cần trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cần trọng vì lợi ích cao nhất của Công ty.

ĐIỀU 37. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành, người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân, đồng thời không được sử dụng những thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
3. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp Công ty và tổ chức liên quan tới thành viên này là các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;
 - b. Đối với hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này, cũng như các mối quan hệ

và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết vấn đề đó và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Giám, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

ĐIỀU 38. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Tiểu ban Kiểm toán nội bộ, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cưỡng và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Bồi thường. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay công ty con của Công ty) ủy quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của một Công ty, với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư-), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG X : QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

ĐIỀU 39. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong khoản 2 Điều 25 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được ủy quyền khác của

cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ này phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XI : CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

ĐIỀU 40. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XII : PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

ĐIỀU 41. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận giữ lại của Công ty.

2. Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty

3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo và các tài liệu khác.
8. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIII : TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

ĐIỀU 42. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

ĐIỀU 43. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một (01) hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó đó.

ĐIỀU 44. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia phù hợp với quy định của pháp luật. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XIV : BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

ĐIỀU 45. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty lập và nộp báo cáo tài chính phải tuân theo các quy định trong từng thời kỳ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, cơ quan thuế có thẩm quyền, Sở giao dịch chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.

3. Công ty phải lập, công bố các báo sáu (06) tháng, báo cáo quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan, cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của pháp luật.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý của Công ty phải được công bố trên website của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu (06) tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một khoản phí hợp lý cho việc sao chụp.

6. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị; và báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính của công ty chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 46. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XV : KIỂM TOÁN CÔNG TY

ĐIỀU 47. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.

Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVI: CON DẤU

ĐIỀU 48. Con dấu

1. Hội đồng quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ Công ty.
2. Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVII: CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

ĐIỀU 49. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hoặc được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

ĐIỀU 50. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

ĐIỀU 51. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Nợ thuế;

- d. Các khoản nợ khác của Công ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

ĐIỀU 52. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:

- 1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.
- 2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.
- 3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

CHƯƠNG XVIII : GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

ĐIỀU 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ Công ty, các quy định giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành hay người điều hành khác;

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG XIX : BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

ĐIỀU 54. Điều lệ Công ty

- 1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
- 2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XX : NGÀY HIỆU LỰC

ĐIỀU 55. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm XX chương, 55 Điều và 04 phụ lục. Được Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 27 tháng 4 năm 2018 thông qua, tại Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ này được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a. Một (01) bản nộp tại phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
 - b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của UBND thành phố Hà Nội;
 - c. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Chính Đại

PHỤ LỤC SỐ 01: DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CÔNG TY*(Tại thời điểm thông qua Điều lệ ngày 10/5/2013)*

Stt	Tên cổ đông sáng lập	Nơi đăng ký thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số cổ phần
1	Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Đình, Huyện Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội	2.550.000
2	Ông Nguyễn Đăng Lanh	Số 22, ngõ 102/27 Khuất Duy Tiến, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	40.000
3	Ông Nguyễn Công Hùng	Phường I, Thị xã Quảng Trị, Tỉnh Quảng Trị	50.000

PHỤ LỤC SỐ 02: DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CÔNG TY*(Tại thời điểm thông qua Điều lệ ngày 15/7/2015)*

Stt	Tên cổ đông sáng lập	Nơi đăng ký thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số cổ phần
1	Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Đình, Huyện Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội	0
2	Ông Nguyễn Đăng Lanh	Số 22, ngõ 102/27 Khuất Duy Tiến, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	31.100
3	Ông Nguyễn Công Hùng	Nhà 1 dãy 12 khu đô thị Parkcity, đường Lê Trọng Tấn, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	137.100

PHỤ LỤC SỐ 03: DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CÔNG TY*(Tại thời điểm thông qua Điều lệ ngày 28/4/2016)*

Stt	Tên cổ đông sáng lập	Nơi đăng ký thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số cổ phần
1	Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Đình, Huyện Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội	0
2	Ông Nguyễn Đăng Lanh	Số 22, ngõ 102/27 Khuất Duy Tiên, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	10.220
3	Ông Nguyễn Công Hùng	Nhà 1 dãy 12 khu đô thị Parkcity, đường Lê Trọng Tấn, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	268.845

PHỤ LỤC SỐ 04: DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CÔNG TY*(Tại thời điểm thông qua Điều lệ ngày 28/4/2017)*

Stt	Tên cổ đông sáng lập	Nơi đăng ký thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số cổ phần
1	Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Đình, Huyện Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội	0
2	Ông Nguyễn Đăng Lanh	Số 22, ngõ 102/27 Khuất Duy Tiến, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	10.220
3	Ông Nguyễn Công Hùng	Nhà 1 dãy 12 khu đô thị Parkcity, đường Lê Trọng Tấn, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	268.845



SCI ENGINEERING & CONSTRUCTION JSC

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG HĐQT



BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG HĐQT NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018)

Ngày 28/4/2017, Đại hội đồng cổ đông thường niên đã ban hành Nghị quyết về thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2017, sau 01 năm thực hiện, HĐQT nghiêm túc đánh giá kết quả công tác quản trị hoạt động SXKD như sau:

A. Kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm 2017:

I. Về tổ chức nhân sự, chấp hành pháp luật và Điều lệ:

+ Trong quá trình hoạt động, Hội đồng quản trị luôn tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổ chức hoạt động của Công ty về chế độ, nguyên tắc hoạt động. Cụ thể:

+ Trong năm 2017, HĐQT đã họp thường kỳ hoặc xin ý kiến từng thành viên HĐQT để ban hành 31 Nghị quyết, 29 quyết định phục vụ công tác chỉ đạo, quản lý các mặt hoạt động của Công ty.

+ Trong các cuộc họp, HĐQT đã thống nhất cao trong việc đánh giá kết quả thực hiện kỳ trước, nghiêm túc phân tích những tồn tại yếu kém trong công tác quản lý, điều hành; Đưa ra những mục tiêu, tiến độ, giá trị các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu, giao cho Giám đốc xây dựng biện pháp thực hiện đảm bảo nhằm hoàn thành nhiệm vụ từng quý theo các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

+ Về nhân sự không có sự thay đổi thành viên HĐQT luôn có đủ số lượng 5 thành viên, gồm:

- | | | |
|-------------------------|---|-------------------------|
| 1. Ông Nguyễn Công Hùng | – | Chủ tịch HĐQT |
| 2. Ông Hoàng Công Tuấn | – | Thành viên HĐQT |
| 3. Ông Nguyễn Chính Đại | – | Thành viên HĐQT |
| 4. Ông Lương Thanh Tùng | – | Thành viên HĐQT |
| 5. Ông Triệu Quang Hà | – | Thành viên HĐQT độc lập |

II. Về công tác quản trị:

Thông qua 4 phiên họp thường kỳ và xin ý kiến thành viên về việc điều hành hoạt động giữa 2 kỳ họp, HĐQT đã xem xét thông qua và quyết định những vấn đề cơ bản sau:

1. Công tác quản lý doanh nghiệp:

+ Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi, bổ sung sau khi Đại hội đồng cổ đông thông qua đổi tên Công ty;

+ Chỉ đạo thay đổi đăng ký kinh doanh và con dấu do đổi tên Công ty

2. Về công tác quản lý tổ chức:

2.1. Tháng 4/2017: Phê duyệt chuỗi hoạt động và cơ cấu tổ chức Công ty giai đoạn 2017 - 2022

2.2. Tháng 02/2017, bổ nhiệm ông Nguyễn Tuấn Dũng giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty;

2.3. Quyết định miễn nhiệm ông Phan Thanh Hải thôi giữ chức vụ Kế toán trưởng để giữ

chức vụ Phó Giám đốc Công ty, từ ngày 01/12/2017 và kiêm nhiệm vụ Người phụ trách quản trị Công ty từ tháng 10/2017;

2.4. Quyết định miễn nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Công ty đối với ông Nguyễn Quang Hưng và ông Nguyễn Tuấn Dũng từ ngày 01/01/2018;

2.5. Quyết định bổ nhiệm ông Phan Dương Mạnh giữ chức vụ Kế toán trưởng thay thế ông Phan Thanh Hải, kể từ ngày 05/12/2017;

3. Về công tác quản lý các dự án đầu tư:

+ Trong năm 2017, Công ty đã tiếp tục đầu tư mở rộng và nâng cao năng lực thiết bị thi công đáp ứng yêu cầu thi công các dự án: Với giá trị đầu tư là 49,3 tỷ đồng.

III. Kết quả hoạt động năm 2017:

Đánh giá chung: Trong năm 2017, Hội đồng quản trị Công ty đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế mà Đại hội đồng cổ đông đã giao.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu năm 2017:

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	% thực hiện
1	Giá trị SXKD	Tỷ đồng	930	1.039	112%
2	Giá trị đầu tư	Tỷ đồng	100	49,3	49,3%
3	Doanh số bán hàng	Tỷ đồng	920	949,9	103,3%
4	Doanh thu	Tỷ đồng	847,9	876,8	103,4%
5	Tiền về	Tỷ đồng	950	827,1	87%
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	18	19,2	106,6%
7	Nộp ngân sách NN	Tỷ đồng	12	24	200%
8	Thu nhập BQ tháng	Triệu đồng	8,5	10,2	118,2%
9	Nhân lực	Người		567	
10	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	100	100	
11	Trả cổ tức	%	10%	10% (Bằng CP)	

B. Kế hoạch hoạt động trong năm 2018:

Bước sang năm 2018, Công ty có một số thuận lợi và khó khăn như sau:

- Thuận lợi:

- + Định hướng của Công ty tiếp tục phát triển ngành nghề thi công đang thực hiện đến năm 2020; Khối lượng công việc tại các công trình có đủ đến hết năm 2018 - 2019;
- + Kinh nghiệm, năng lực làm tổng thầu EPC của đội ngũ cán bộ, công nhân viên được bổ sung;
- + Việc làm, thu nhập CBCNV tiếp tục được duy trì ổn định;

- Khó khăn:

- + Vẫn còn thiếu nhân lực bổ sung đội ngũ cán bộ quản lý cấp cao để chuẩn bị cho một số công trình mới dự kiến triển khai trong năm 2018 và những năm tiếp theo;
- + Việc quyết toán các công trình cũ còn vướng thủ tục phê duyệt quyết toán từ chủ đầu

tư;

+ Cơ cấu tổ chức đang có sự thay đổi và áp dụng các quy trình quản lý mới bước đầu cần phải điều chỉnh, cải tiến cho phù hợp;

I- Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu trong năm 2018:

TT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện Năm 2017	Kế hoạch Năm 2018	% tăng trưởng
1	Giá trị SXKD	Tỷ đồng	1.039	1.150	111%
2	Giá trị đầu tư	Tỷ đồng	49,3	103,9	211%
3	Doanh số	Tỷ đồng	950	1.258	132%
4	Tiền về	Tỷ đồng	827	1.100	133%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	19,2	25	
6	Nộp ngân sách NN	Tỷ đồng	24	42	
7	Thu nhập BQ tháng	Triệu đồng	10,2	11,2	
8	Nhân lực	Người	569	625	
9	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	100	110	
10	Trả cổ tức		10%	8%	

II- Mục tiêu:

- Quản lý có hiệu quả các dự án, công trình, từng bước đầu tư mở rộng thi công công trình, dự án thuộc lĩnh vực năng lượng tái tạo, sản xuất sản phẩm công nghiệp, dịch vụ;
- Tiếp tục lấy mục tiêu chính tăng trưởng quy mô, nâng cao năng lực kinh nghiệm, nâng cao chất lượng quản trị các hoạt động trong SXKD của Công ty nhằm đạt hiệu quả cao trong việc thực hiện các chỉ tiêu kinh tế.

III. Nhiệm vụ chính:

1. Công tác quản lý tổ chức:

- Giám sát, hỗ trợ hoạt động của Ban Giám đốc trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức mới phù hợp với định hướng mở rộng sản xuất;
- Phê duyệt quy chế lương mới bảo đảm phù hợp với quy định liên quan của pháp luật và thực tế đơn vị thi công xây lắp;
- Tập trung đào tạo, đào tạo lại đội ngũ cán bộ quản lý cấp cao và cấp trung để theo kịp yêu cầu đổi mới, phát triển doanh nghiệp;
- Phê duyệt các quy trình, quy định còn thiếu trong hệ thống quản trị chất lượng, đồng thời sửa đổi bổ sung các quy định đã ban hành.

2. Công tác Tài chính:

- Kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí, sử dụng vốn hợp lý;
- Giám sát hiệu quả công tác thu vốn, công nợ các hạng mục công trình đang thi công.

3. Công tác kế hoạch:

- Chỉ đạo công tác lập kế hoạch sát với thực tiễn để chủ động triển khai các nguồn lực phục vụ;
- Tăng cường công tác đấu thầu các dự án, công trình có giá trị lớn, tập trung;

4. Công tác đầu tư:

- Căn cứ trên nhu cầu mở rộng SXKD, thực tế sản xuất, đơn vị sẽ cân đối tiếp tục thực hiện các dự án đầu tư đã được HĐQT phê duyệt nhằm nâng cao năng lực thiết bị thi công tiên tiến hiện đại.

5. Công tác vật tư, thiết bị.

- Chỉ đạo hoàn thành việc lắp đặt thiết bị định vị nhằm kiểm tra, giám sát việc thực hiện quyết toán nhiên liệu, việc sử dụng vật tư phụ tùng ở các đơn vị, có biện pháp chấn chỉnh kịp thời;
- Yêu cầu Ban Giám đốc thường xuyên thực hiện đánh giá nhà cung cấp vật tư, thiết bị để có những điều chỉnh kịp thời bảo đảm công tác quản lý chất lượng vật tư, thiết bị được ưu tiên số một.

6. Công tác quản trị:

- Thực hiện các ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, nhằm bảo đảm công tác quản trị hoạt động của Công ty đạt hiệu quả tối ưu nhất;
- Hàng quý, họp với Ban Giám đốc để phân tích hoạt động quản lý kinh tế, tài chính;
- Thành lập Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT nhằm nâng cao vai trò giám sát, công tác quản trị và kiểm soát của HĐQT đối với hoạt động Công ty, tuân theo đúng quy định của luật pháp, hạn chế các rủi ro;

Trên đây là báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2017 và một số nhiệm vụ trong năm 2018 của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị mong tiếp tục nhận được sự tin tưởng, hỗ trợ của các cổ đông để công tác quản trị hoạt động SXKD năm 2018 đạt hiệu quả tốt.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ;
- HĐQT;
- Lưu HCNS/BKS/ HĐQT.



Nguyễn Công Hùng

